



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

**20
22**

MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát.	09
Tâm nhìn, sứ mệnh, triết lý nền tảng.	10
Quá trình hình thành và phát triển.	12
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	14
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	16
Định hướng phát triển.	26
Quản trị rủi ro.	28

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.	46
Kế hoạch phát triển trong tương lai.	49

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị.	58
Ban Kiểm soát.	62
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.	64
Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.	64
Tình hình thực hiện các quy định về quản trị công ty.	66

02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.	32
Tổ chức và nhân sự.	34
Tình hình tài chính.	36
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	38
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.	40

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty.	52
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.	54
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.	55

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán.	70
Báo cáo tài chính được kiểm toán.	74

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
TGD	Tổng Giám đốc
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn





THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DOANH THU HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY ĐẠT 3.141,72 TỶ ĐỒNG TĂNG 7,2% SO VỚI NĂM 2021 VÀ LỢI NHUẬN SAU THUẾ LÀ 237,54 TỶ ĐỒNG, TĂNG 11,11% SO VỚI CÙNG KỲ.

Kính gửi: Quý cổ đông,

Trong bối cảnh năm 2022 thế giới đầy biến động đa chiều khi cuộc xung đột quân sự căng thẳng giữa Nga và Ukraine kéo dài đã tạo sức ép lên giá xăng dầu và giá nguyên liệu đầu vào. Điều này đã tác động lớn đến lạm phát toàn cầu, khiến kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, một số nền kinh tế lớn đối mặt với nguy cơ suy thoái; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Đặc biệt lạm phát duy trì ở mức cao, nhất là ở châu Âu và Mỹ... Ở trong nước, nền kinh tế phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do sức mua của các thị trường bên ngoài giảm sút, áp lực lạm phát, tỉ giá gia tăng, các vấn đề nội tại của nền kinh tế, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức chống chịu và khả năng cạnh tranh chưa cao. Theo số liệu Tổng cục Thống kê công bố ngày 29/12/2022, kinh tế Việt Nam dự kiến đạt mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực, năm 2022 tăng 8,02% so với năm trước do nền kinh tế được khôi phục trở lại và đạt mức tăng trưởng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. Lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu đề ra. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm 2022 ước đạt 371,85 tỷ USD, tăng 10,6% so với năm trước.

Cùng với nỗ lực của Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên, Vilico tiếp tục duy trì được sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Doanh thu hợp nhất của Công ty đạt 3.141,72 tỷ đồng tăng 7,2% so với năm 2021 và lợi nhuận sau thuế là 237,54 tỷ đồng, tăng 11,11% so với cùng kỳ. Với chiến lược tái cơ cấu hoạt động công ty và tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là chăn nuôi và sản xuất sữa, Vilico đã và đang từng bước thoái vốn khỏi các công ty liên kết không hiệu quả và tập trung nguồn lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty con là Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu cũng như góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật - Công ty liên doanh với tập đoàn Sojitz (Nhật Bản) để chuẩn bị cho việc triển khai dự án Trang trại Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc. Với việc hoàn tất sáp nhập GTNfoods vào Vilico trong Quý 1 năm 2022, Vilico đã hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý để tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trong các năm tiếp theo. Với việc các dự án trọng điểm đang được triển khai theo đúng tiến độ, chúng tôi tin tưởng Vilico sẽ duy trì đà phát triển với nền tảng vững chắc trong lĩnh vực chăn nuôi và sản xuất sữa trong thời gian tới.

Kính chúc quý cổ đông sức khỏe và an khang thịnh vượng!

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CHƯƠNG 01

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.
2. Tầm nhìn, sứ mệnh, triết lý nền tảng.
3. Quá trình hình thành và phát triển.
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
6. Định hướng phát triển.
7. Quản trị rủi ro.



1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TỔNG CÔNG TY CHĂN NUÔI VIỆT NAM - CTCP

0100104443

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần đầu ngày 30/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 29/04/2021.

1.723.461.730.000 VND

Vốn điều lệ công ty.

4.456.893.050.765 VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Địa chỉ:

Số 519, đường Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

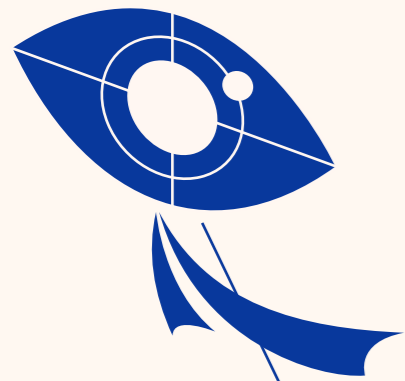
**Mã cổ phiếu
(Upcom): VLC**

Website:
www.vilico.vn

Số điện thoại:
024.38621688

* Các sự kiện khác: không có.

2. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, TRIẾT LÝ NỀN TẢNG



TẦM NHÌN

Vilico định hướng trở thành doanh nghiệp:

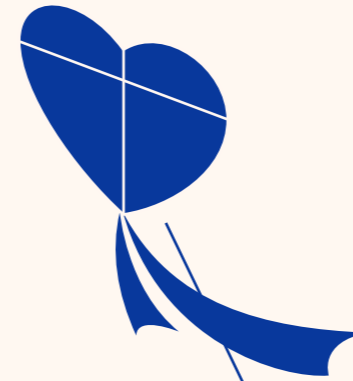
- Hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực nông nghiệp, cung cấp các sản phẩm sữa và thịt chất lượng, an toàn và giàu dinh dưỡng.
- Phát triển cùng cộng đồng, để bảo vệ môi trường và mang lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, nhà đầu tư, người lao động và xã hội.



SỨ MỆNH

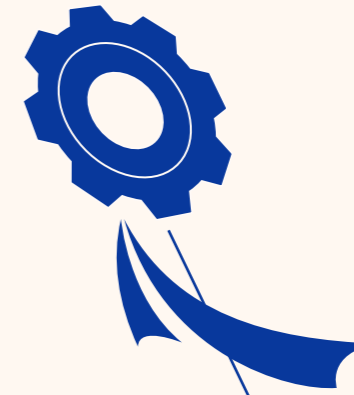
Vilico tập trung trong việc:

- Đổi mới sản phẩm và nỗ lực mang đến các sản phẩm sạch có chất lượng, vì sức khỏe cộng đồng.
- Khẳng định giá trị và phát triển các thương hiệu lâu đời của Việt Nam tại thị trường trong nước và quốc tế.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Thân thiện:** Giữ gìn và bảo tồn các vùng nguyên liệu, an toàn với người sản xuất và môi trường, tạo ra các sản phẩm tốt cho sức khỏe.
- **Phát triển:** Không ngừng sáng tạo và nâng cao chất lượng để mang tới những sản phẩm tốt nhất tới cộng đồng, hướng tới mục tiêu đưa các sản phẩm thực phẩm sạch Việt Nam đến thị trường Quốc tế.
- **Sẻ chia:** Quan tâm, thấu hiểu các lợi ích của cộng đồng, người lao động và khách hàng; tâm huyết và có trách nhiệm trong mọi hoạt động góp phần phát triển nền kinh tế và các chương trình an sinh xã hội.



TRIẾT LÝ KINH DOANH

- **Đối với khách hàng:** Chất lượng sản phẩm được đặt lên hàng đầu.
- **Đối với nhân viên:** Đời sống của nhân viên là trách nhiệm ưu tiên.
- **Đối với các cổ đông:** Đảm bảo lợi ích lâu dài cho các cổ đông.
- **Đối với xã hội:** Thành quả của doanh nghiệp luôn gắn kết với cộng đồng.

3. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1996

Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TC-CB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn bao gồm các đơn vị thành viên có quan hệ gắn bó về kinh tế, công nghệ, thương mại, thông tin, khoa học - kỹ thuật, đào tạo, nghiên cứu,... hoạt động trong ngành chăn nuôi, nhằm thực hiện việc tích tụ, tập trung phân công chuyên môn hóa và hợp tác kinh doanh để hoàn thành nhiệm vụ nhà nước giao, nâng cao khả năng kinh doanh và hiệu quả kinh tế của từng đơn vị thành viên và toàn Tổng công ty, đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế.

2005

Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2799/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 17/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

2010

Năm 2010 Công ty mẹ - Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 1470/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 01/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2012

Thực hiện Quyết định số 119/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 17/01/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Tổng công ty đã liên tục triển khai thực hiện ngay các nội dung công việc để cổ phần hoá Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên.

Ngày 26/6/2013 Tổng công ty đã họp Đại hội đồng cổ đông và thành lập công ty cổ phần. Ngày 01/7/2013 Tổng công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần.

2013

Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/7/2013, kế thừa các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên theo các quy định của pháp luật.

2015

Từ năm 2015 Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP triển khai thực hiện phương án thoái toàn bộ phần vốn nhà nước.

Tháng 6/2016 phương án thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty được thực hiện hoàn tất và trong cơ cấu vốn điều lệ của Tổng công ty không còn cổ đông nhà nước.

2019

Tháng 12/2019, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk) chính thức sở hữu 75% của Công ty mẹ GTNFoods. Do đó Vilico bắt đầu hoạt động với tư cách là đơn vị thành viên của Vinamilk.

2021

Thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (JVL), Liên doanh Vilico (51%) vs Tập đoàn Sojitz của Nhật bản (49%). Đầu tư tập trung vào hoạt động chăn nuôi, sản xuất, chế biến, phân phối bò thịt.

2022

Tháng 03/2022 Vilico đã sáp nhập với GTNFoods với mục tiêu tái cấu trúc, tinh gọn bộ máy, tăng năng suất hoạt động. Vốn điều lệ tăng từ 631.010.000.000 VND lên 1.723.461.730.000 VND.



4. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ

Các ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

01 Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò

02 Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn

03 Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa

04 Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt

05 Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

06 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

ĐỊA BÀN KINH DOANH



5. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Hiện mô hình sở hữu của Công ty bao gồm **2 công ty con**, **5 công ty liên kết**, **3 khoản đầu tư** vào đơn vị khác cụ thể như sau:

% Sở hữu tại ngày 31/12/2022

Công ty con

01. Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu:
Chăn nuôi và sản xuất các sản phẩm từ sữa. **59,3%**

02. Công ty TNHH chăn nuôi Việt Nhật:
Chăn nuôi, sản xuất, chế biến, phân phối bò thịt. **51%**

Công ty liên kết

03. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu súc sản Gia cầm Hải Phòng:
Chăn nuôi trâu, bò. **30%**

04. Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội:
Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản. **36%**

05. Công ty cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng:
Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông sản thực phẩm; trồng và sản xuất các loại cây nông sản. **38,3%**

06. Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung:
Sản phẩm cấp quang phục vụ cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông. Sản phẩm ống nhựa uPVC (ống nước dân dụng, ống nhựa viễn thông) ứng dụng trong vận chuyển chất lỏng, cấp thoát nước, ống luồn cáp...phục vụ các ngành xây dựng dân dụng và công nghiệp. Sản phẩm ống và bồn bằng sợi thủy tinh composite-FRP... phục vụ cho các công trình cấp thoát nước, xử lý nước thải. **40,06%**

07. Tổng công ty Chè Việt Nam - CTCP:
Sản xuất kinh doanh chè. **16,23%**

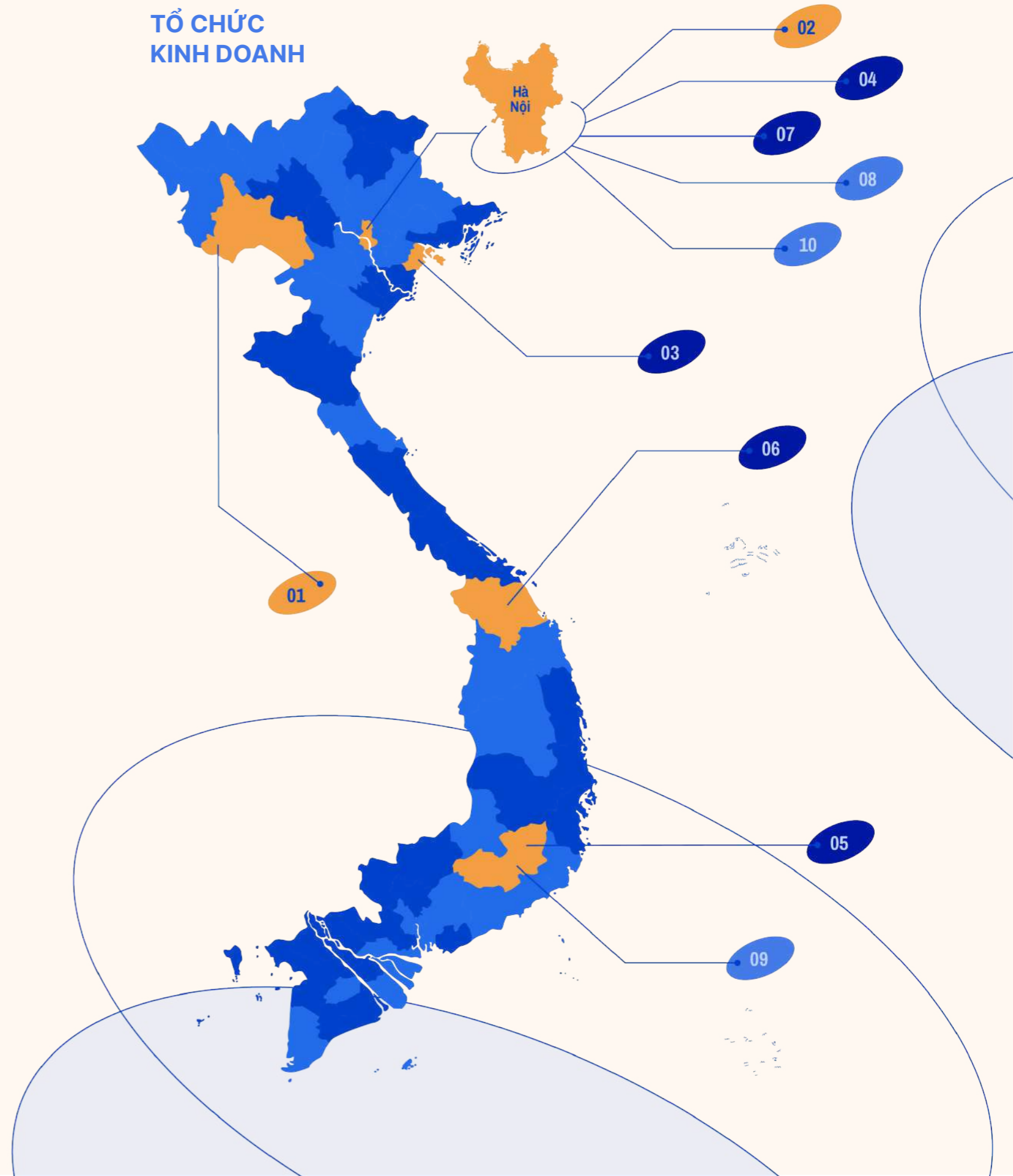
Đầu tư vào đơn vị khác

08. Công ty Cổ phần Chăn nuôi chế biến Xuất nhập khẩu:
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. **17,12%**

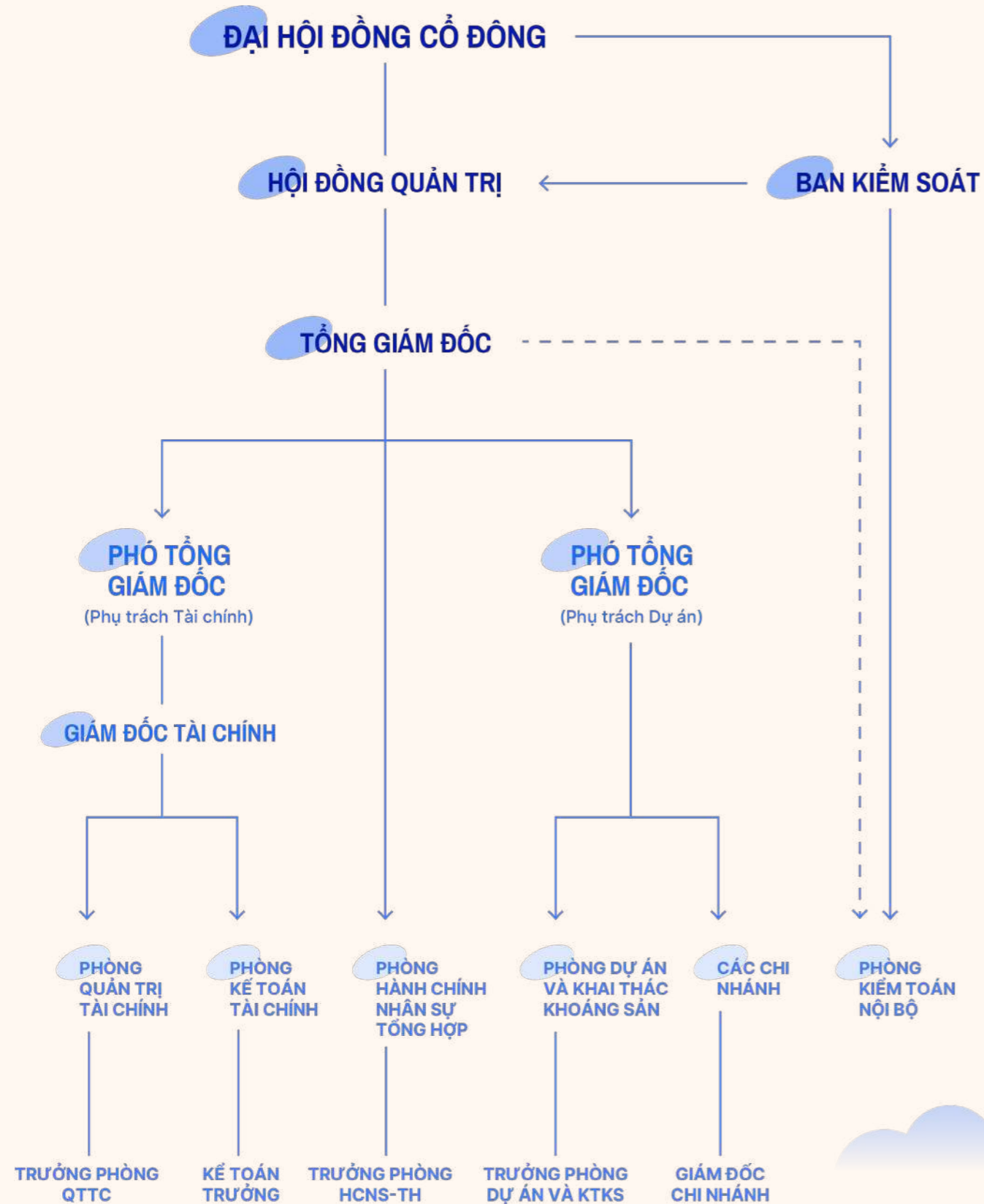
09. Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt:
Sản xuất sữa và các sản phẩm từ sữa. **5,64%**

10. Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Trung Ương:
Sản xuất thức ăn chăn nuôi. **17,23%**

TỔ CHỨC KINH DOANH



BỘ MÁY QUẢN LÝ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÀ MAI KIỀU LIÊN
Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn

Chứng chỉ Quản lý Kinh tế, Đại học Kỹ sư Kinh tế Leningrad, Liên bang Nga.
 Chứng chỉ Quản lý Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia, Việt Nam.
 Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa, Đại học Công nghiệp Chế biến thịt và sữa, Moscow, Nga.
 Chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty.

Kinh nghiệm

Bà có hơn 31 năm kinh nghiệm trong vai trò Tổng Giám đốc Vinamilk (từ 1992 đến nay), lãnh đạo Vinamilk qua nhiều thời kỳ. Trong suốt quá trình đó, bà đã vinh dự nhận được nhiều giải thưởng trong nước và quốc tế như Anh Hùng Lao Động thời kỳ Đổi mới (2006), Huân chương lao động Hạng Nhất do Nhà nước trao tặng (2006); 4 lần được Forbes bình chọn là Một trong 50 nữ doanh nhân quyền lực nhất Châu Á (2012 – 2015); giải thưởng Nhà quản trị doanh nghiệp xuất sắc (2014) do Corporate Governance Asia bình chọn; giải thưởng Nikkei, giải New Zealand Asia cho những đóng góp của bà; giải thưởng “Thành tựu trọn đời” do Forbes lần đầu vinh danh (2018).

1984 – 1992: Bà có hơn 8 năm công tác với vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinamilk, phụ trách lĩnh vực kinh tế.

1976 – 1983: Bà trải qua các vị trí tại nhiều bộ phận khác nhau ở nhiều nhà máy và trở thành Phó Giám đốc Kỹ thuật – nhà máy sữa Thống Nhất năm 1982.

Chức vụ tại các tổ chức khác

- Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch, Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.
- Chủ tịch, Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa.
- Thành viên HĐQT, Driftwood Dairy Holdings Corporation.
- Chủ tịch HĐQT, Lao - Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.
- Thành viên HĐQT, Miraka Limited.
- Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên, Del Monte-Vinamilk Dairy Philippines, Inc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Năng lượng và tự động hóa, Đại học Bách khoa Odessa, Liên Xô cũ (năm 1985).

Kinh nghiệm

Tháng 9 năm 2020: ông được bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc của Vilico.

2014 – nay: ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu của Vinamilk.

2005 – 2014: Trong 10 năm tại Vinamilk, ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc tại các nhà máy khác nhau của Vinamilk, như Nhà máy sữa Nghệ An, Nhà máy sữa Việt Nam.

1998 – 2005: Trước khi gia nhập Vinamilk, ông làm Giám đốc Trung tâm tư vấn dịch vụ đầu tư công nghiệp Điện trong 6 năm.

1987 – 1998: ông từng công tác ở các vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp và cơ quan Nhà nước, tiêu biểu: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh, Sở Khoa học Công nghệ Môi trường Nghệ Tĩnh (nay là Nghệ An và Hà Tĩnh).

Chức vụ tại các tổ chức khác

Giám đốc Điều hành Phát triển vùng nguyên liệu Công ty cổ phần Sữa Việt Nam.

Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống nhất, Thanh Hóa.

Thành viên HĐQT, Lao - Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.

Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu.

Chủ tịch Hội đồng thành viên, Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật.

Thành viên HĐQT Tổng công ty Chè Việt Nam-CTCP.



ÔNG LÊ THÀNH LIÊM
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Đại học Leeds Metropolitan (Anh Quốc) (năm 2012).

Cử nhân Kinh tế, Đại học Tài chính - Kế toán TP. HCM (năm 1994).

Chứng chỉ Chương trình đào tạo chuyên sâu Thành viên HĐQT (DCP) – Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD).

Chứng nhận Chương trình đào tạo Lãnh đạo Toàn cầu (Global Leadership Program-GLP) – Học viện Quản lý PACE.

Kinh nghiệm

Ông có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán – tài chính và đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Tài chính kiêm Kế toán trưởng từ năm 2015 tại Vinamilk.

2003 – 2015: ông đảm nhiệm các vị trí quản lý tại Phòng Tài chính – Kế toán của Vinamilk như: Phó Phòng Kế toán, Kế toán trưởng.

1994 – 2003: ông trải qua nhiều vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính - Kế toán của Vinamilk.

Chức vụ tại các tổ chức khác

Thành viên HĐQT kiêm GDDH Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Thành viên HĐQT Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines, Inc.



ÔNG ĐỖ HOÀNG PHÚC
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

Cử nhân ngành quản lý hành chính Đại học cảnh sát nhân dân (1991).

Cử nhân ngành điều tra tội phạm Đại học An ninh nhân dân (1999).

Cử nhân Chính trị Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2003).

Kinh nghiệm

2021 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đắklak.

2019 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi.

2018 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

2018 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

2018 – nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam phương Imex.

2011 – 2017: Phó Giám đốc – Sở Giao vận tải tỉnh Ninh Bình.

2009 - 2011: Phó Chánh văn phòng – Tỉnh ủy Ninh Bình.

1975 - 2008: Đại tá cảnh sát nhân dân – Công an tỉnh Ninh Bình.

Chức vụ tại các tổ chức khác

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Đắklak.

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cà phê Thăng Lợi.

Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nam Phương IMEX.



ÔNG NGUYỄN HỒNG BÁCH
Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội (1994-1998).

Chứng chỉ đào tạo nghề luật sư – Học viện Tư pháp (2002).

Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm – Đại học sư phạm II Hà Nội (2011).

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Quốc tế – Đại học Griggs Hoa Kỳ (2012-2014).

Thạc sĩ Luật – Đại học Kiểm sát Hà Nội (2019 – 2021).

Kinh nghiệm

2015 – 2019: Luật sư thành viên – Công ty Luật TNHH Bross và cộng sự.

2010 - 2014: Chủ tịch Hội đồng thành viên - Công ty luật hợp danh Hồng Bách và Cộng sự.

2008 - 2010: Chủ tịch Hội đồng tư vấn - Văn phòng Luật sư Hồng Bách và Cộng sự.

2004 - 2008: Phó trưởng văn phòng phụ trách về chuyên môn và đào tạo Luật sư - Văn phòng Luật sư Phạm Hồng Hải và Cộng sự.

2004 - 2008: Trợ lý Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hoàng Gia.

Chức vụ tại các tổ chức khác

2020 – nay: Chủ tịch Hội đồng tư vấn - Công ty Luật TNHH Hồng Bách và Cộng sự.

2012 – nay: Phó Chủ nhiệm - Đoàn luật sư tỉnh Hà Nam.

2021 – nay: Viện trưởng - Viện ứng dụng khoa học công nghệ và luật pháp.

2021 – nay: Thành viên Hội đồng trường - Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội.

2021 – nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nông nghiệp Nam Sông Hồng.

2021 – nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Hà Nam Group.

2021 – nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Thiên Thành.

2021 – nay: Giám đốc - Hợp tác xã nông nghiệp Bắc Hải.

2021 – nay: Giám đốc - Trung tâm tư vấn pháp luật – Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam.

BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG
Tổng Giám Đốc

Tương tự bên trên



ÔNG TRẦN TRÍ SƠN
Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn

Cử nhân, chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán, Đại học Tài chính Kế toán Tp. HCM (năm 1998).

Chứng chỉ kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA), Hiệp hội kế toán công chứng Anh Quốc.

Cử nhân, chuyên ngành Anh Ngữ, Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Chứng chỉ quốc tế về Quan hệ cổ đông (ICIR), Hiệp hội Quan hệ cổ đông Anh Quốc và Singapore.

Chứng chỉ Quản trị Công ty.

Chứng chỉ Thành viên Hội đồng Quản trị, Viện Thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD).

Kinh nghiệm

Tháng 2 năm 2020: ông được bổ nhiệm làm Thành viên HĐQT của Vilico.

Tháng 6/2016 - nay: ông đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tài chính Vinamilk. Ngoài ra, ông đã và đang phụ trách công tác quan hệ nhà đầu tư của Vinamilk từ hơn 10 năm nay.

2005 - 2016: Hơn 11 năm công tác tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau như Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, Giám đốc Đầu tư, Trưởng ban Quan hệ nhà đầu tư (IR).

Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã làm việc và có kinh nghiệm như chuyên viên phân tích tài chính - Công ty TNHH Bia San Miguel Việt Nam; Trưởng nhóm kiểm toán - Công ty TNHH KPMG Việt Nam, Kế toán trưởng - Công ty TNHH URC Việt Nam và Công ty TNHH Ô Tô Ngôi Sao Việt Nam.

Chức vụ tại các tổ chức khác

Thư ký Công ty, Trưởng bộ phận tài chính Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng.

Thành viên HĐQT Lao - Jargo Development Xiengkhouang Co., Ltd.



ÔNG LÊ HUY BÍCH
Giám Đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn

Thạc Sĩ, Chuyên ngành Tài chính, Đại học Rennes 1, Pháp (năm 2016).

Thạc Sĩ, Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh, Đại học Rennes 1, Pháp (năm 2014).

Cử nhân, Chuyên ngành Kinh tế Đối ngoại, Đại học Ngoại Thương (năm 2011).

Kinh nghiệm

Tháng 1 năm 2020: ông đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính tại Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam, và Công ty CP Giống bò sữa Mộc Châu.

Từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 2 năm 2022: ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Tài chính của GTNfoods.

2016 - nay: Tại Vinamilk, ông đã trải qua nhiều vị trí khác nhau trong bộ phận Tài Chính.

Trước khi gia nhập Vinamilk, ông đã có kinh nghiệm Kiểm toán tại Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Chức vụ tại các tổ chức khác

Giám đốc Tài chính Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu.

Thành viên Ban kiểm soát Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP.

Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội.

Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Súc Sản Gia Cầm Hải Phòng.



ÔNG HOÀNG MẠNG CƯỜNG
Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ kinh tế Đại học Thương mại năm 2006.

Cử nhân Kế toán Đại học Thương mại năm 2001.

Kinh nghiệm

2013 - 2022: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần GTNfoods.

2010 - 2013: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản Lương Sơn.

2006 - 2010: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thực phẩm Bách hợp.

2002 - 2006: Chuyên viên kế toán - Công ty Cổ phần Liên hợp thực phẩm Hà Tây.

Chức vụ tại các tổ chức khác

Không.



ÔNG NGUYỄN ĐĂNG KHOA
Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Tự động hóa dây chuyền sản xuất.

Kinh nghiệm

Từ 01/11/2020 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP.

Tháng 12/2014 - nay: Giám Đốc Kỹ Thuật - Cty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam.

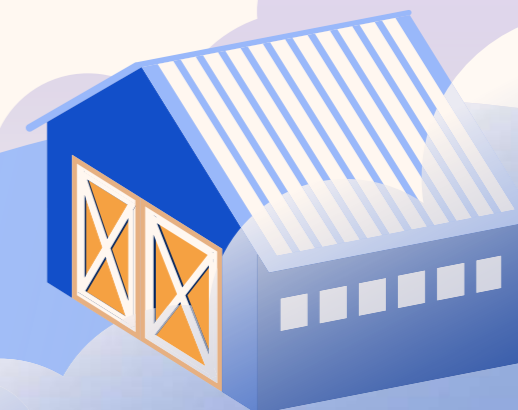
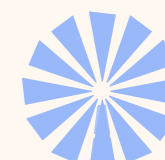
2012 - 2014: Quản đốc cơ điện - Nhà máy sữa Việt Nam, Bình Dương.

2010 - 2012: Chuyên viên điều phối Dự án - Phòng Dự án, Cty CP sữa Việt Nam.

2007 - 2010: Kỹ sư cơ điện - Nhà Máy sữa Thống Nhất, HCM.

Chức vụ tại các tổ chức khác

Thành viên Hội đồng thành viên, Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật.



BAN KIỂM SOÁT



**BÀ HÀ THỊ
DIỆU THU**
Trưởng Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) Western Sydney University.
Cử nhân Kinh tế, Đại học Kinh tế-Luật.

Kinh nghiệm

Tháng 9/2022 - nay: Quyền Trưởng Bộ phận Kiểm soát Nội bộ - Hoạt động và Chuyển đổi số - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Tháng 2/2016 - 4/2019: Trưởng ban Kiểm soát Hệ thống - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Tháng 10/2014 - 2/2016: Chuyên viên cấp cao Quản lý rủi ro & Chất lượng - Công ty TNHH PwC Việt Nam.

Tháng 7/2011 - 10/2014: Trưởng nhóm Kiểm toán - Công ty TNHH Grant Thornton Việt Nam.

Chức vụ tại các tổ chức khác

Quyền Trưởng Bộ phận Kiểm soát Nội bộ - Hoạt động và Chuyển đổi số tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.



**ÔNG TRỊNH
CÔNG SƠN**
Thành viên
Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Thành viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA).
Cử nhân kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Kinh nghiệm

Tháng 4/2022 - nay: Trưởng ban tài chính đầu tư - Phòng Quản trị tài chính, Công ty cổ phần sữa Việt Nam.

Tháng 3/2022 - nay: Giám đốc tài chính, Công ty liên doanh Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines Inc.

Từ 16/2/2022 - nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu.

Từ năm 2017 đến tháng 3/2022: Trưởng ban Kế toán Tổng hợp và BCTC Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Từ năm 2014 - 2017: Trưởng nhóm kiểm toán công ty TNHH PwC (Việt Nam).

Chức vụ tại các tổ chức khác

Trưởng ban tài chính đầu tư, phòng Quản trị tài chính - Công ty cổ phần Sữa Việt Nam.

Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu.

Giám đốc tài chính, Công ty liên doanh Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines Inc.



**ÔNG TRƯƠNG
ANH VŨ**
Thành viên
Ban Kiểm soát

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Luật University of Wollongong.
Cử nhân Luật, Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

Kinh nghiệm

Tháng 3/2022 - nay: Quyền Trưởng Bộ phận Pháp lý về Đầu tư và Quản trị - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Tháng 6/2019 - Tháng 2/2022: Trưởng Ban Pháp lý về Hoạt động và Đầu tư nước ngoài - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam, Trưởng Ban Pháp lý - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Tháng 5/2017 - Tháng 5/2019: Chuyên viên Pháp lý - Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Tháng 8/2014 - Tháng 4/2017: Luật sư cộng sự - Công ty Luật TNHH LNT & Partners.

Chức vụ tại các tổ chức khác

Quyền Trưởng Bộ phận Pháp lý về Đầu tư và Quản trị tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

6. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

Xây dựng Tổng công ty có cơ cấu hợp lý, hoạt động có hiệu quả, phát triển ổn định, bền vững; không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông. Xây dựng và phát triển, mở rộng thương hiệu của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên.

01

02

Tập trung các nguồn lực để phát triển các ngành sản xuất kinh doanh chủ lực của Tổng công ty, bao gồm:



Ngành chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa:

Thực hiện tại Công ty cổ phần giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của Tổng công ty).



Ngành chăn nuôi bò thịt:

Thực hiện tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (công ty con của Tổng công ty).

Tăng cường tích lũy vốn để tập trung đầu tư phát triển vào những lĩnh vực, ngành hàng có triển vọng và mang tính chiến lược.

Sử dụng hợp lý, khai thác tối đa, có hiệu quả các nguồn lực được giao; hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Khai thác tốt hơn, hiệu quả hơn các tiềm năng thế mạnh sẵn có, lợi thế của Tổng công ty và các đơn vị về đất đai, vị trí địa lý, thương hiệu, sản phẩm.

Các công ty con và công ty liên kết gắn kết với Tổng công ty thông qua góp vốn đầu tư, công nghệ, thương hiệu, uy tín và thị trường để từng bước hình thành các ngành sản xuất chính: chăn nuôi bò sữa, bò thịt; đồng thời có gắn với giết mổ, chế biến thịt, sữa và các sản phẩm chăn nuôi phục vụ tiêu dùng trong nước và tiến tới xuất khẩu.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

ĐỂ HẠN CHẾ RỦI RO VỀ DỊCH BỆNH, CHĂN NUÔI TRANG TRẠI, CÔNG NGHIỆP LÀ XU THẾ TẤT YẾU CỦA PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂN NUÔI TRONG TƯƠNG LAI

”

7. QUẢN TRỊ RỦI RO

Rủi ro về dịch bệnh là rủi ro ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động của Tổng Công ty. Vilico là Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi gia súc, khi có dịch sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất chăn nuôi của Tổng công ty. Ngoài ra, những lo ngại về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm cũng dẫn đến sản lượng tiêu thụ các sản phẩm thực phẩm gia súc, gia cầm giảm theo. Rõ ràng, để hạn chế rủi ro về dịch bệnh, chăn nuôi trang trại, công nghiệp là xu thế tất yếu của phát triển ngành chăn nuôi trong tương lai. Thực tế, mô hình chăn nuôi của Tổng Công ty là những trang trại chăn nuôi quy mô lớn, công tác phòng chống dịch bệnh được chú trọng nên cũng hạn chế được rủi ro từ dịch bệnh một cách tối đa.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình tài chính.
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường xã hội của công ty.



1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2022 Vilico đã sáp nhập với GTNFoods, vốn điều lệ tăng từ 631.010.000.000 VNĐ lên 1.723.461.730.000 VNĐ, góp vốn thành lập Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật để tiếp tục triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

Kết quả kinh doanh năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2021	THAY ĐỔI (%)
Doanh thu thuần	3.140,29	2.928,63	7,23%
Lợi nhuận gộp	963,59	836,37	15,21%
Lợi nhuận trước thuế	257,40	237,85	8,22%
Lợi nhuận thuần sau thuế	237,54	213,79	11,11%
Lợi nhuận cổ đông công ty mẹ	115,96	83,07	39,59%

Kết quả kinh doanh năm 2022 so với kế hoạch

Đơn vị tính: tỷ đồng

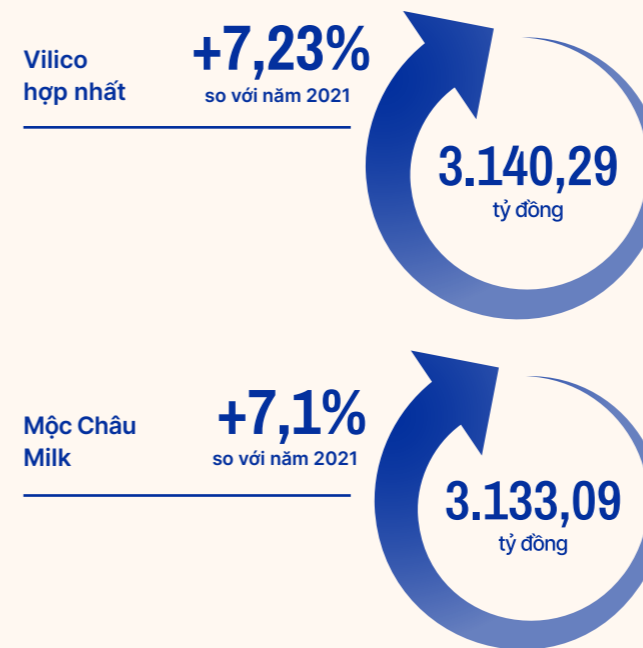
CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2022	% HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM
Doanh thu thuần	3.140,29	3.247,70	96,69%
Lợi nhuận trước thuế	257,40	265,30	97,02%
Lợi nhuận sau thuế	237,54	242,00	98,16%

1.1. VỀ DOANH THU HỢP NHẤT

Doanh thu thuần hợp nhất của Tổng công ty đạt 3.140,29 tỷ đồng, tăng 7,23% so với năm 2021, chủ yếu do doanh thu Công ty con là Mộc châu Milk tăng so với cùng kỳ.

Doanh thu thuần Mộc Châu Milk đạt 3.133,09 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm 2021.

Biểu đồ tăng trưởng doanh thu thuần năm 2022 so với 2021

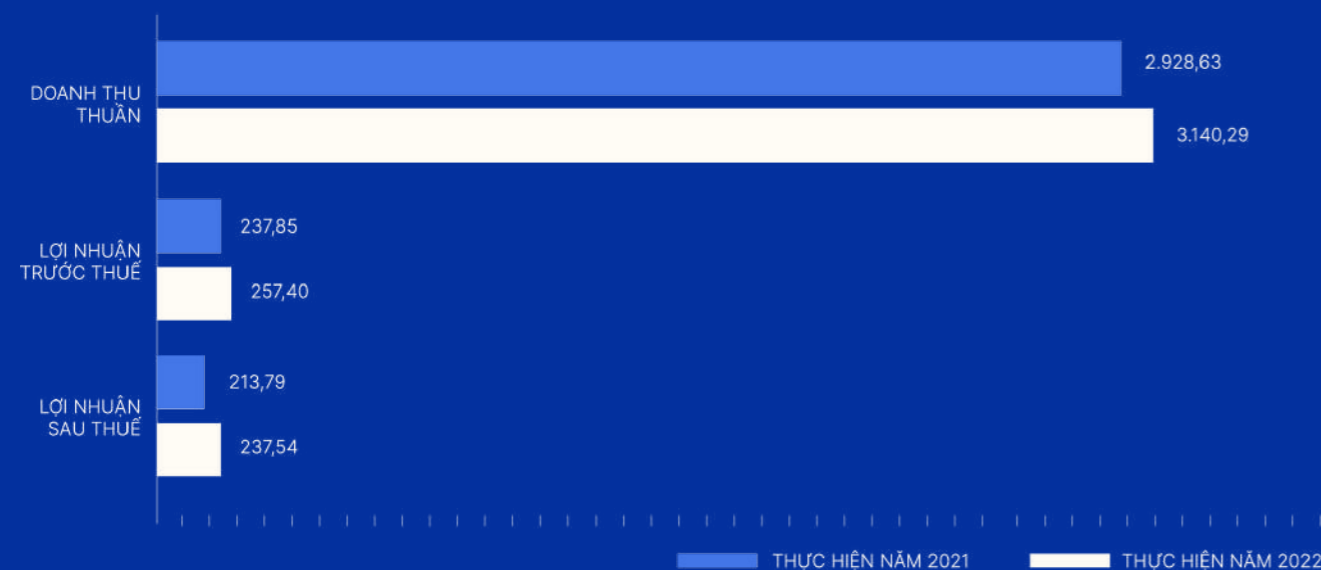


1.2. VỀ LỢI NHUẬN HỢP NHẤT

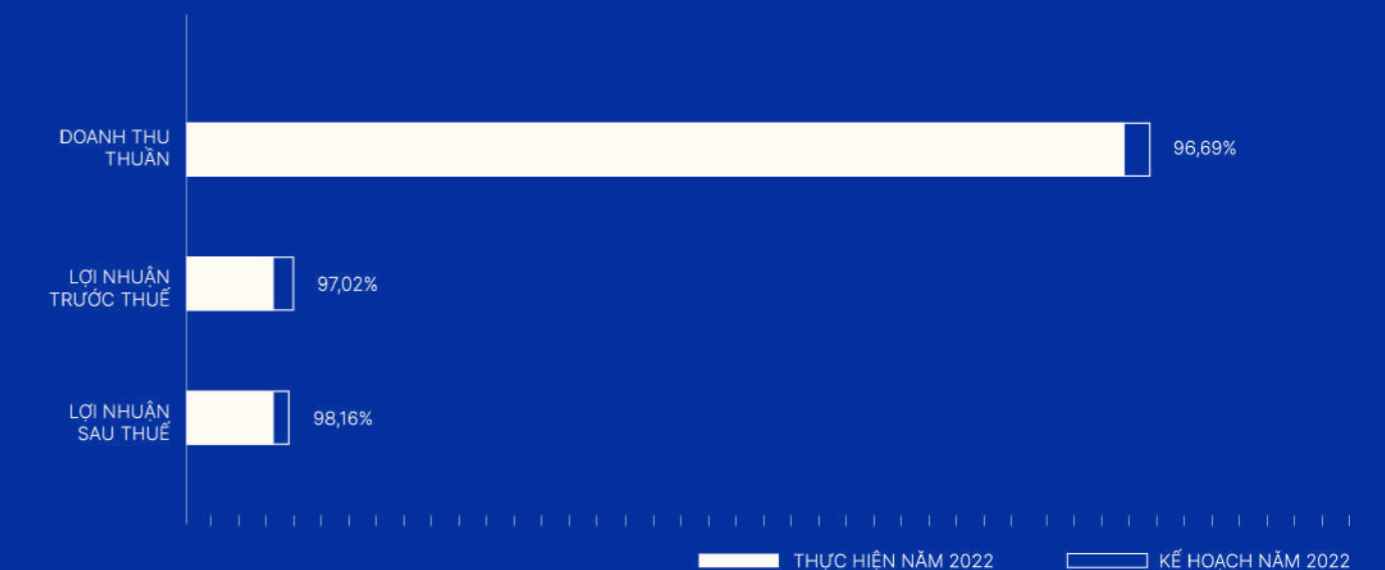
Năm 2022, lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất đạt lần lượt 257,4 tỷ đồng và 237,54 tỷ đồng, tăng lần lượt 8,22% và 11,11% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế có mức tăng trưởng tốt hơn so với mức tăng doanh thu chủ yếu, tỷ lệ lãi gộp được cải thiện đáng kể so với cùng kỳ (tăng từ 28,6% lên 30,7%).



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022 SO VỚI CÙNG KỲ 2021



KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022 SO VỚI KẾ HOẠCH



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1. DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG

Thông tin chi tiết xem tại trang 20

Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư năng lượng và tự động hóa

Số cổ phần sở hữu: 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



ÔNG TRẦN CHÍ SƠN

Thông tin chi tiết xem tại trang 22

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Số cổ phần sở hữu 2.120

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



ÔNG NGUYỄN ĐĂNG KHOA

Thông tin chi tiết xem tại trang 22

Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Tự động hóa dây chuyền sản xuất

Số cổ phần sở hữu: 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



ÔNG LÊ HUY BÍCH

Thông tin chi tiết xem tại trang 23

Giám Đốc Tài chính

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính

Số cổ phần sở hữu: 0

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



ÔNG HOÀNG MẠNH CƯỜNG

Thông tin chi tiết xem tại trang 23

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế

Số cổ phần sở hữu: 6.250

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



2.2. NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Bổ nhiệm Ông Trần Chí Sơn

Phó Tổng Giám đốc từ ngày 20/05/2022.

Bổ nhiệm Ông Hoàng Mạnh Cường

Kế toán trưởng từ ngày 20/05/2022.

Miễn nhiệm Bà Hoàng Thị Hà

Quyền kế toán trưởng từ ngày 20/05/2022.

2.3. SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN (bao gồm cả công ty con)

859 NGƯỜI
(tại thời điểm 31/12/2022)

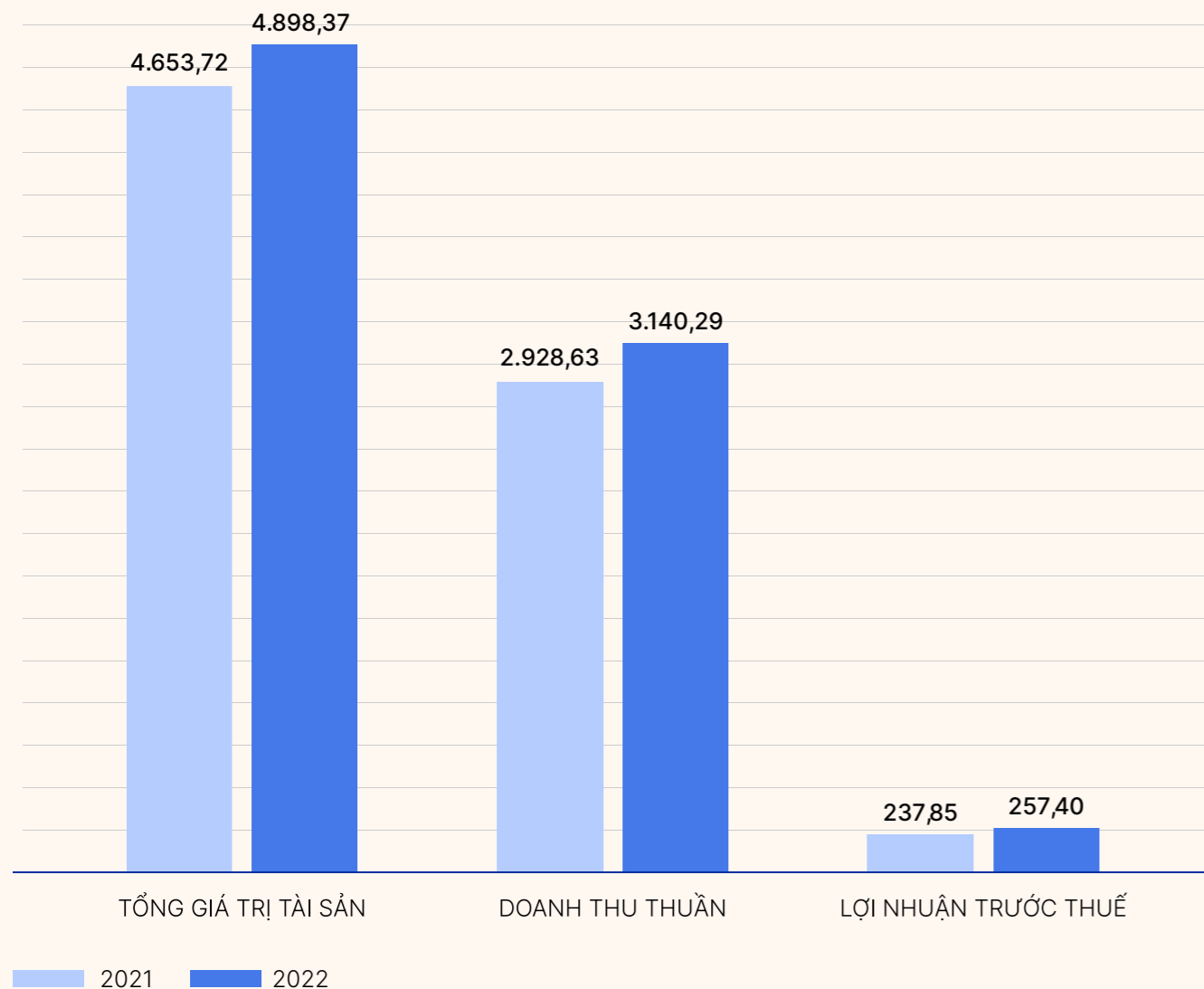
2.4 CHÍNH SÁCH VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

KHÔNG CÓ SỰ THAY ĐỔI.

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

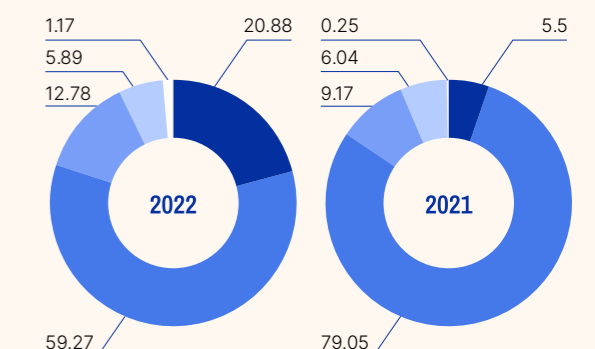
CHỈ TIÊU	NĂM 2022 (tỷ đồng)	NĂM 2021 (tỷ đồng)	THAY ĐỔI (%)
Tổng giá trị tài sản	4.898,37	4.653,72	105,26%
Doanh thu thuần	3.140,29	2.928,63	107,23%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	287,68	253,06	113,68%
Lợi nhuận khác	-30,27	-15,2	199,14%
Lợi nhuận trước thuế	257,4	237,85	108,22%
Lợi nhuận sau thuế	237,54	213,79	111,11%
Tỷ lệ chi trả cổ tức (/vốn điều lệ)	6%	6%	



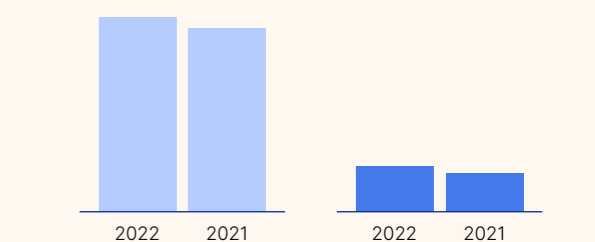
3.2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CÁC CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	11,82	9,49
Hệ số thanh toán nhanh	11,13	8,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	9,01%	11,02%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	9,91%	12,38%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	10,37	10,69
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,64	0,63
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,56%	7,30%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	5,33%	5,16%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,85%	4,59%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	9,16%	8,64%

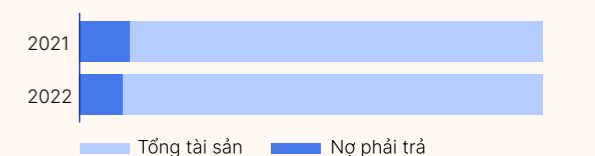
TỶ LỆ/TÀI SẢN NGẮN HẠN	2022	2021
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,88%	5,50%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	59,27%	79,05%
Các khoản phải thu ngắn hạn	12,78%	9,17%
Hàng tồn kho	5,89%	6,04%
Tài sản ngắn hạn khác	1,18%	0,24%



BIÊN LỢI NHUẬN GỘP	2022	2021
Biên lợi nhuận gộp	30,69%	28,56%
Biên lợi nhuận ròng	7,56%	7,30%



CƠ CẤU VỐN	2022	2021
Nợ phải trả/Tổng tài sản	9,01%	11,02%



4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

4.1. CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần của Tổng công ty đang lưu hành: 172.346.173 CP, tương đương tổng mệnh giá 1.723.461.730.000 đồng (mệnh giá 10.000 đồng/CP). Loại cổ phần: chuyển nhượng tự do.

4.2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Trên cơ sở danh sách cổ đông chốt tại ngày 18/11/2022

PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
Trong nước	7.846	172.058.409	99,83%
a. Cá nhân	7.815	52.431.027	30,42%
b. Tổ chức	31	119.627.382	69,41%
Nước ngoài	87	287.764	0,17%
a. Cá nhân	74	226.440	0,13%
b. Tổ chức	13	61.324	0,04%
TỔNG CỘNG	7.933	172.346.173	100,00%
Trong đó: Cổ đông lớn	01	117.187.500	68%

4.3. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Ngày 16/03/2022 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã phát công văn số 1270/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng công ty, theo đó Tổng công ty đã phát hành thành công thêm 156.248.309 cổ phiếu hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN và hủy 47.003.136 cổ phiếu. Tăng vốn điều lệ từ 631.010.000.000 đồng lên 1.723.461.730.000 đồng.

BIỂU ĐỒ CƠ CẤU SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU



4.4. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có.

4.5 CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có.

0,17% Cổ đông nước ngoài

Tổng vốn điều lệ của công ty:
1.723.461.730.000 VND =
 (mệnh giá 10.000 đồng/CP) Loại CP chuyển nhượng tự do

172.346.173
CỔ PHẦN

5. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Việt Nam là nước có nền sản xuất nông nghiệp làm nền tảng khi lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển chung của nền kinh tế. Các lĩnh vực này còn nhiều tiềm năng để phát triển hơn nữa với những ưu đãi về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên. Định hướng phát triển bền vững ngành nông nghiệp nói chung và đối với Vilico nói riêng là việc cân bằng lợi ích kinh tế giữa các bên; bảo vệ tài nguyên môi trường; đảm bảo sức khỏe cộng đồng đồng thời chia sẻ các trách nhiệm xã hội. Vilico đã mở rộng và áp dụng các hoạt động thiết thực tại các đơn vị thành viên theo những nguyên tắc chặt chẽ, rõ ràng, được giám sát và lập báo cáo định kỳ. Năm 2022, Vilico tiếp tục thực hiện tái cơ cấu toàn diện tại các công ty con, công ty liên kết theo các chính sách nhất quán và được các đơn vị thành viên thực hiện nghiêm túc, góp phần tạo nên văn hóa và mô hình hoạt động của Tổng công ty.



5.1. MÔI TRƯỜNG

Cán bộ công nhân viên của công ty luôn ý thức và thực hiện các việc làm thiết thực tiết kiệm năng lượng điện, nước sạch, giấy văn phòng. Các chương trình tiết kiệm, hợp lý hóa nguồn năng lượng trong các hoạt động luôn được công ty chú trọng, việc sử dụng tài nguyên nước sạch được công ty chỉ đạo trong sản xuất, chăn nuôi và khuyến cáo tới cán bộ công nhân viên và cả các hộ nông dân chăn nuôi. Các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý chất thải cũng được thực hiện nghiêm túc tại khu vực nông nghiệp và sản xuất của các đơn vị thành viên.

Mộc Châu Milk tiếp tục duy trì triển khai xử lý môi trường tại các nông hộ, coi đây là một trong những chỉ tiêu đánh giá và thành lập những tổ kiểm tra giám sát xử lý các hộ không thực hiện đúng theo quy định. Mộc Châu Milk cũng tạo điều kiện cho các hộ dân vay vốn để mua máy ép phân. Toàn bộ trang trại của các hộ gia đình ở Mộc Châu đều đã được cơ giới hóa, trang bị nhiều máy móc hiện đại như máy cắt cỏ, máy cày bừa, máy băm cỏ, máy vắt sữa... Thậm chí, phân bò sau khi thu dọn cũng được xử lý tự động theo quy trình khép kín để bảo vệ môi trường.

Với dây chuyền xử lý phân tự động, toàn bộ chất thải do bò sữa thải ra hàng ngày được dọn rửa đưa về bể thu gom để xử lý bằng men vi sinh. Sau đó chất thải sẽ được máy hút lên để tách nước và chất thải rắn. Đối với nước, một phần chảy vào hầm biogas, phần còn lại chảy qua các bể xử lý bằng men vi sinh và enzyme theo phương pháp hiếu khí. Sau đó, nước thải tiếp tục được đưa qua các bể lọc đến khi đạt tiêu chuẩn cho phép sẽ đưa đi tưới cho đồng cỏ. Đối với chất thải rắn, sau khi xử lý bằng men vi sinh tới khi độ ẩm còn 15 – 20%, sẽ trở thành loại phân hữu cơ rất tốt cho rau màu.

Đối với các chất thải độc hại (các chai lọ, thuốc thú y tiêm cho đàn bò ...), Mộc Châu Milk đã ký Hợp đồng với công ty chuyên xử lý chất thải độc hại theo đúng quy định, đảm bảo môi trường sống của thiên nhiên, con người.

Trên thực tế, Vilico đã và đang nỗ lực thực hiện, tích cực triển khai các hoạt động hiệu quả nhằm bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển bền vững tại các công ty con.

5.2. XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh việc bảo vệ môi trường, các vấn đề về xã hội & cộng đồng cũng được Vilico ưu tiên và quan tâm. Các vấn đề việc làm của cán bộ nhân viên, người lao động, đặc biệt là đối với phụ nữ, người dân tộc thiểu số như nguồn thu nhập, chế độ phúc lợi, nhân quyền đều được đảm bảo; trách nhiệm đối với cộng đồng thông qua chất lượng các sản phẩm của công ty là tiêu chí tiên quyết trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Tại các đơn vị thành viên, Công ty luôn cố gắng củng cố niềm tin, ổn định tư tưởng cho cán bộ nhân viên, người lao động, tổ chức Hội nghị tại từng đơn vị để đối thoại trực tiếp, nắm bắt được hết những nguyện vọng, ý kiến của người nông dân, trên cơ sở đó đưa ra những chính sách hợp lý. Bên cạnh đó, các chính sách tạo việc làm cho người dân tại địa phương, các chương trình an sinh xã hội, chương trình từ thiện trên địa bàn các Công ty thành viên luôn được quan tâm và thực hiện thường niên, đặc biệt là các trường trình sữa học đường cho trẻ em mầm non, chương trình hỗ trợ các hộ gia đình khó khăn, trẻ em mồ côi, người dân tộc thiểu số....

5.3. ĐỊNH HƯỚNG

Các nỗ lực và hoạt động tích cực về môi trường và xã hội trong năm 2022 vừa qua của Vilico đã thể hiện rõ những định hướng và quyết tâm của mình trong việc giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực tới môi trường và xã hội, xây dựng quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp, hiệu quả, kiến tạo môi trường sống, tạo tiền đề cho sự phát triển kinh tế bền vững và xác định rõ ràng chiến lược của Tổng công ty. Thế giới đang đối mặt với rất nhiều các vấn đề nghiêm trọng như thiên tai, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, bệnh dịch, đói nghèo... đe dọa và làm ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của nhân loại. Trong bối cảnh đó, chiến lược phát triển bền vững là phương pháp hiệu quả nhất để đạt được sự hài hòa giữa các yếu tố trong đời sống, cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống của con người, thúc đẩy xã hội phát triển. Ban lãnh đạo Vilico mong muốn, ủng hộ và xác định trong tương lai xa hơn sẽ luôn theo đuổi chiến lược phát triển bền vững.

“ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
LÀ PHƯƠNG PHÁP HIỆU QUẢ NHẤT
ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC SỰ HÀI HÒA ”



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Kế hoạch phát triển trong tương lai.



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

1.1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2022, Doanh thu của công ty mẹ chủ yếu từ hoạt động đầu tư, lãi tiền gửi ngân hàng, và cổ tức của Mộc Châu Milk chi trả. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ tăng 113% so với cùng kỳ nguyên nhân chính do cổ tức nhận được từ Mộc Châu Milk tăng do hoạt động sáp nhập GTN và VLC trong năm 2022 làm cho tỷ lệ sở hữu của VLC tại Mộc Châu Milk tăng từ 32,52% (31/12/2021) lên 59,2% (31/12/2022).

Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất

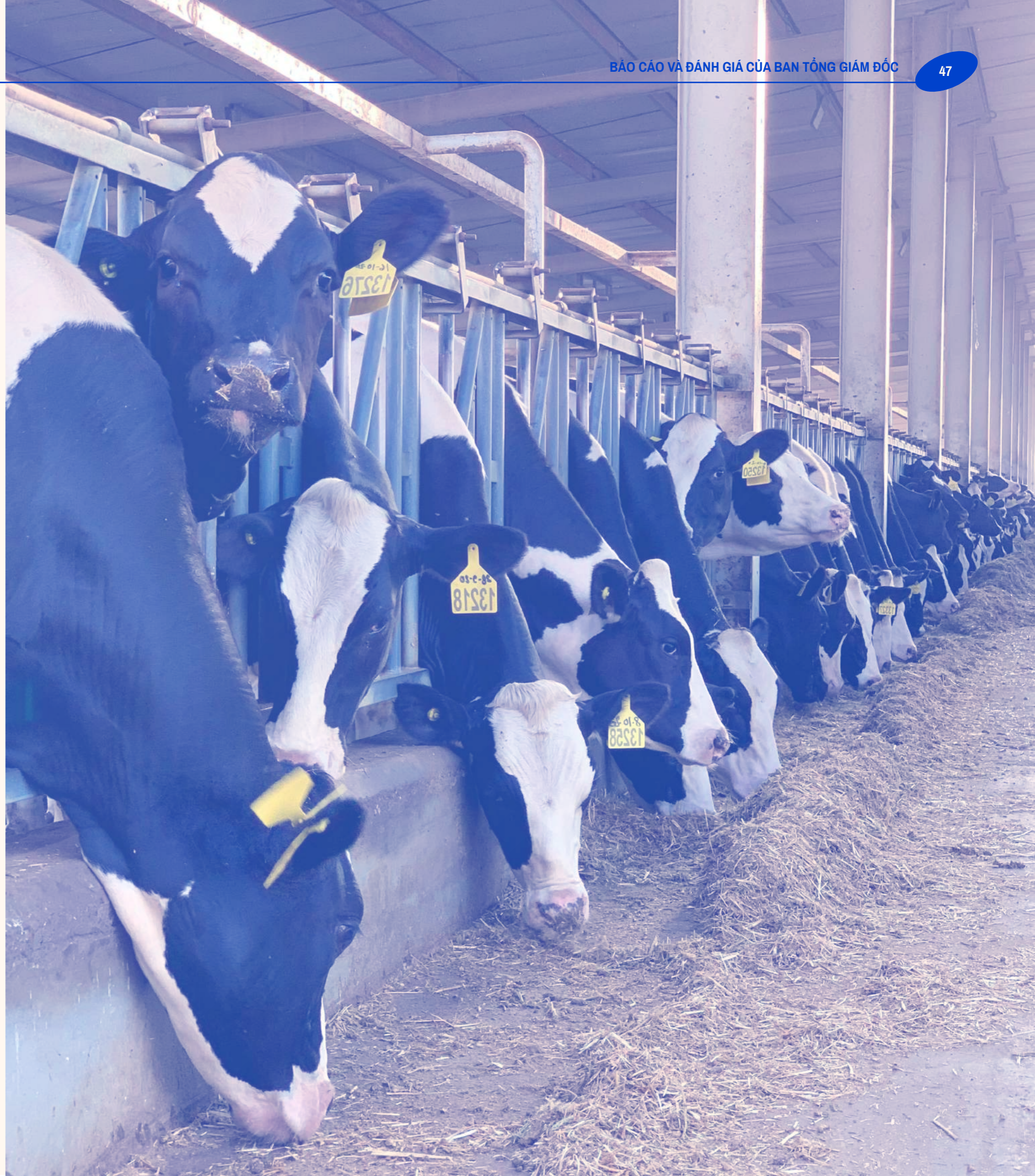
Doanh thu thuần hợp nhất của Tổng công ty đạt 3.140, 29 tỷ đồng, tăng 7,23% so với năm 2021, đóng góp chính từ tăng trưởng doanh thu của Mộc Châu Milk. Doanh thu thuần Mộc Châu Milk đạt 3.133,09 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm 2021. Năm 2022, lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 257,4 tỷ đồng và 237,54 tỷ đồng, tăng lần lượt 8,22% và 11,1% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế có mức tăng trưởng tốt hơn so với mức tăng doanh thu chủ yếu do tỷ lệ lãi gộp được cải thiện (tăng từ 28,6% lên 30,7%).

Đối với hoạt động tài chính

Thực hiện chủ trương của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc rà soát lại toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác, thực hiện thoái toàn bộ vốn tại những doanh nghiệp hoạt động hiệu quả thấp, không cùng ngành nghề kinh doanh chính định hướng phát triển của Tổng công ty, năm 2022 Vilico tiếp tục thực hiện tái cơ cấu hoạt động với việc GTN hoá đổi để sáp nhập vào Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP (VLC).

Việc hoàn tất sáp nhập góp phần giảm các chi phí nhân sự, quản lý điều hành cũng như giúp Vilico có thêm nguồn lực tài chính để triển khai các dự án mới trong tương lai. Vilico sau sáp nhập được kỳ vọng sẽ đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn và đảm bảo sự phát triển bền vững. VLC Tăng vốn góp cùng với tập đoàn Sojitz tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật lên tới 736 tỷ đồng với mục tiêu triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

Bên cạnh đó, nguồn cổ tức thu từ Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (công ty con của Tổng công ty) năm 2022 tiếp tục duy trì ở mức ổn định so với 2021. Từ các kết quả trên đã góp phần duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh chung của Tổng công ty.



Với những nỗ lực hoạt động nêu trên, năm 2022, Tổng công ty đã đạt được những thành tích nhất định:

THÀNH TÍCH 2022

Bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

Thu nhập của người lao động được đảm bảo.

Công tác quản lý phần vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác được thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả.

Công tác quản trị, điều hành tiếp tục được đổi mới, công tác tổ chức được kiện toàn, đi vào nề nếp, đáp ứng với mô hình hoạt động của công ty cổ phần không còn vốn nhà nước.

Nội bộ đoàn kết, thống nhất cao từ tập thể lãnh đạo Tổng công ty đến các đơn vị thành viên.

2. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Sản xuất kinh doanh năm 2023 và những năm tới của Tổng công ty tập trung vào các mục tiêu chính sau:

- **Tiếp tục phát triển Tổng công ty với cơ cấu hợp lý;** xây dựng, mở rộng thương hiệu của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Đầu tư tập trung vào các ngành sản xuất kinh doanh chính, thế mạnh và có hiệu quả cao.
- **Tập trung phát triển mảng chăn nuôi bò sữa và chế biến sữa,** tăng quy mô chăn nuôi, nâng cao năng suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm; phát triển thị trường, mở rộng kênh phân phối.
- **Tập trung đầu tư phát triển mảng chăn nuôi, sản xuất, chế biến, phân phối bò thịt.** Hoàn thành trang trại nhà máy; nâng cao độ nhận diện về các sản phẩm bò thịt của công ty; phát triển thị trường, mở rộng các kênh phân phối.
- **Thực hiện các phương án khai thác nguồn vốn đất đai, bất động sản** của Tổng công ty và các đơn vị thành viên thông qua việc đầu tư, hợp tác, liên doanh, liên kết phù hợp với quy định của pháp luật và quy hoạch của địa phương.
- **Tập trung nguồn lực** để chuẩn bị cho các dự án sản xuất nông nghiệp trong thời gian tới, đặc biệt là dự án chăn nuôi, chế biến và phân phối thịt bò tại Vĩnh Phúc.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2022

Kết quả kinh doanh năm 2022 cho thấy Vilico tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh tương đối hiệu quả, cụ thể:

Công ty mẹ

Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ năm 2022 đạt 197,74 tỷ VNĐ tăng 113% so với cùng kỳ nguyên nhân chính do tiền cổ tức VLC nhận được từ Mộc Châu Milk tăng so với cùng kỳ do hoạt động sáp nhập GTN và VLC trong năm 2022 làm cho tỷ lệ sở hữu của VLC tại Mộc châu Milk tăng từ 32,52% (31/12/2021) lên 59,3% (31/12/2022).

Hợp nhất

Doanh thu thuần hợp nhất của Tổng công ty đạt 3.140,29 tỷ đồng, tăng 7,23% so với năm 2021, chủ yếu nhờ tăng trưởng của doanh thu Mộc Châu Milk. Doanh thu thuần Mộc Châu Milk đạt 3.133,09 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm 2021. Năm 2022, lợi nhuận trước thuế và sau thuế hợp nhất đạt lần lượt 257,4 tỷ đồng và 237,54 tỷ đồng, tăng lần lượt 8,22% và 11,1% so với năm 2021. Lợi nhuận trước thuế có mức tăng trưởng tốt hơn so với mức tăng doanh thu chủ yếu do tỷ lệ lãi gộp được cải thiện so với cùng kỳ (tăng từ 28,6% lên 30,7%).

VILICO ĐANG TRONG QUÁ TRÌNH TÁI CẤU TRÚC MẠNH, THOÁI VỐN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ KHÔNG HIỆU QUẢ, KHÔNG NẪM TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA TỔNG CÔNG TY, TẬP TRUNG KHAI THÁC MẢNG KINH DOANH CÓ TIỀM NĂNG TĂNG TRƯỞNG.



Trong quý 1 năm 2022, Tổng Công ty đã hoàn tất phương án sáp nhập Công ty mẹ GTNfoods vào Vilico. Ngày 16/03/2022 Ủy ban chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 1270/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng công ty, theo đó Tổng công ty đã phát hành thành công thêm 156.248.309 cổ phiếu hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN và hủy 47.003.136 cổ phiếu. Tăng vốn điều lệ từ 631.010.000.000 đồng lên 1.723.461.730.000 đồng.

Tính đến ngày 31/12/2022, Vilico hiện đang quản lý phần vốn đầu tư tại 08 doanh nghiệp: bao gồm 02 Công ty con, 05 Công ty liên kết và 03 doanh nghiệp có vốn đầu tư dài hạn khác.

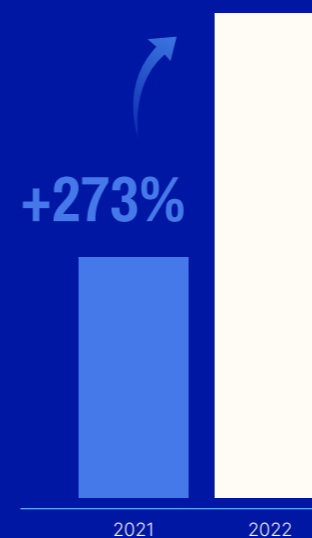
Tổng giá trị phần vốn của Vilico đang đầu tư tại các doanh nghiệp (tính theo giá gốc) là hơn 1.788 tỷ đồng. Trong đó, hai khoản giá trị đầu tư cao nhất tại Công ty con - Công ty CP Giống Bò sữa Mộc Châu (hơn 1.144 tỷ đồng) chiếm 64 % tổng nguồn vốn đầu tư và khoản đầu tư tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật (hơn 375 tỷ đồng) chiếm 21% tổng nguồn đầu tư của VLC.

Nhìn chung, kết quả hoạt động của Vilico năm 2022 chủ yếu được phản ánh qua Công ty con chủ lực -CTCP Giống Bò Sữa Mộc Châu ("Mộc Châu Milk") khi chiếm trên 90% doanh thu. Lợi nhuận của Mộc Châu Milk năm 2022 so với cùng kỳ 2021 tiếp tục tăng trưởng tốt nhờ cải thiện doanh thu cũng như có thêm thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng.



Công ty tăng vốn góp cùng với tập đoàn Sojitz tại Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật lên tới 736 tỷ đồng (trong đó Vilico góp 51%) với mục tiêu triển khai dự án Bò Thịt tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ



Công ty mẹ

Lợi nhuận sau thuế

197,74 tỷ đồng

32,52%

Tỷ lệ sở hữu tại Mộc Châu Milk

59,2%

nhờ sáp nhập GTN năm 2022

Hợp nhất

Doanh thu thuần hợp nhất

3.140,29 tỷ đồng

TỔNG GIÁ TRỊ PHẦN VỐN CỦA VILICO ĐANG ĐẦU TƯ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP (TÍNH THEO GIÁ GỐC) LÀ HƠN 1.788 TỶ ĐỒNG.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HDQT thực hiện việc đánh giá hoạt động và năng lực của Điều hành ("BDH") và dựa trên các tiêu chí sau:

01 Thực hiện mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh

Trách nhiệm "Cẩn trọng".

02 Bốn phạm vi chung của Cán bộ quản lý cấp cao, bao gồm

Trách nhiệm "Trung thực và tránh xung đột lợi ích".

Trách nhiệm "Bảo mật thông tin".

Bốn phạm vi "Chăm lo và trung thành".

03 Năng lực và kỹ năng của Cán bộ quản lý cấp cao

Việc đánh giá năng lực và kỹ năng được thực hiện dựa trên bộ năng lực lãnh đạo của Công ty mẹ Vinamilk áp dụng chung cho toàn Tập đoàn (12 năng lực).

HDQT nhận xét rằng Ban Điều hành Công ty đều có đủ kinh nghiệm và kiến thức liên quan đến lĩnh vực, ngành nghề mà mình phụ trách, có tinh thần trách nhiệm và kỹ năng lãnh đạo tốt, hoàn toàn có thể để tiếp tục các nhiệm vụ mà ĐHCĐ và HDQT giao phó.

KẾT QUẢ

Theo đánh giá của HDQT, BDH đã có sự nỗ lực lớn và thực hiện xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh được giao trong năm 2021, bao gồm cả tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, điều lệ và quy chế hoạt động của Công ty, cải tiến và kiện toàn hệ thống tổ chức, kiểm soát, và quản lý.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ

01

Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và giám sát việc thực hiện kế hoạch xuyên suốt trong cả năm 2022.

03

Tiếp tục phát triển với nền tảng đã có của Vिलico, hướng tới trở thành công ty hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực thực phẩm, cung cấp các sản phẩm sữa và thịt chất lượng, an toàn và giàu dinh dưỡng.

02

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy nhân sự của Tổng công ty sau khi sáp nhập GTNfoods.

04

Tiếp tục tập trung xây dựng và chuẩn hóa quy trình cho từng bộ phận với mục tiêu đơn giản, tinh gọn nhưng hiệu quả. Công ty cũng đang nghiên cứu việc áp dụng các phần mềm quản lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty con, nhằm nâng cao và kiểm soát tốt hơn hiệu quả công việc.

05

Tập trung đầu tư vốn cho các dự án của Vилico đang triển khai: chủ yếu là dự án Bò Thịt (Tam Đảo, Vĩnh Phúc).

CHƯƠNG 05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát.
3. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ.
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT



BÀ MAI KIỀU LIÊN

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



ÔNG TRỊNH QUỐC DŨNG

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Thành viên HĐQT điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



ÔNG LÊ THANH LIÊM

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



ÔNG ĐỖ HOÀNG PHÚC

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%



ÔNG NGUYỄN HỒNG BÁCH

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành

Tỷ lệ sở hữu cổ phần 0%

1.2. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Không)

1.3. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thực hiện theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2022, HĐQT và từng thành viên của HĐQT đã thực hiện hoạt động quản trị Công ty theo đúng chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ đề ra theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Hoạt động của HĐQT trong năm 2022 trọng tâm vào các nội dung sau:

Thông qua các nội dung báo cáo, Ban Kiểm soát, Ban điều hành về tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021; thông qua các tờ trình ĐHCĐ 2022.

Tổ chức Đại hội đồng thường niên năm 2022 vào ngày 08/06/2022.

Thông qua Báo cáo tài chính 2021 đã được kiểm toán.

Quản lý và giám sát tình hình các công ty con, công ty liên kết theo định hướng, chiến lược phát triển chung của Công ty mẹ.

Chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

Giám sát hoạt động đầu tư và thoái vốn các khoản đầu tư tại Công ty mẹ và các Công ty con, Công ty liên kết.

Chuẩn bị kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

Phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án bò thịt của Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, công ty liên doanh của VLC với Tập đoàn Sojitz (JVL).

Thông qua phương án huy động vốn để triển khai thực hiện dự án bò thịt: VLC sẽ phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của VLC để tăng vốn điều lệ cho VLC, giá trị phát hành tối đa (giá trị huy động vốn tối đa) không quá 600 tỷ đồng.

Phê duyệt ban hành điều lệ mới của Công ty sau khi sáp nhập GTNfoods.

Ban hành mới sơ đồ tổ chức công ty.

Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm nhân sự.

Thông qua thỏa thuận khung về đầu tư được ký kết giữa Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP, Tập đoàn Sojitz và Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.

Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty.

Thông qua giao dịch với bên liên quan.

Thông qua phương án tăng vốn vào Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật năm 2022.

Mọi hoạt động của HĐQT đều được xem xét một cách cẩn trọng, tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật hiện hành cũng như Điều lệ Công ty, đảm bảo tính khách quan, minh bạch trên cơ sở quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm đã được pháp luật quy định, tôn trọng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Trong năm 2021, HĐQT đã tiến hành 05 cuộc họp định kỳ và đột xuất, dưới hình thức trực tiếp hoặc qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 14 Nghị quyết về các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Các cuộc họp HĐQT được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty. Các Biên bản, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trị được ban hành và lưu giữ theo đúng quy định.



CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2022/VLC/NQ-HĐQT	09/03/2022	Phê duyệt phương án tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022: Thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông: ngày 17/05/2022; ngày chốt danh sách cổ đông/ ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội: ngày 15/04/2022; hình thức tổ chức: trực tuyến.	100%
2	02/2022/VLC/NQ-HĐQT	16/03/2022	Phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án bò thịt của Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, công ty liên doanh của VLC với Tập đoàn Sojitz (JVL).	100%
3	03/2022/VLC/NQ-HĐQT	22/03/2022	Thông qua phương án huy động vốn để triển khai thực hiện dự án bò thịt: VLC sẽ phát hành thêm cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của VLC để tăng vốn điều lệ cho VLC, giá trị phát hành tối đa (giá trị huy động vốn tối đa) không quá 600 tỷ đồng.	
4	04/2022/VLC/NQ-HĐQT	25/03/2022	VLC sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 để biểu quyết thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.	100%
5	05/2022/VLC/NQ-HĐQT	30/03/2022	Phê duyệt ban hành điều lệ mới của Công ty sau khi sáp nhập.	100%
6	06/2022/VLC/NQ-HĐQT	15/04/2022	Phê duyệt thay đổi phương án tổ chức.	100%
7	07/2022/VLC/NQ-HĐQT	21/04/2022	Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022 (Thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông: ngày 08/06/2022; ngày chốt danh sách cổ đông/ ngày đăng ký cuối cùng tham dự Đại hội: ngày 06/05/2022; hình thức tổ chức: trực tuyến).	100%
8	8A/2022/VLC/QĐ-CTHĐQT	16/05/2022	Quyết định miễn nhiệm Bà Hoàng Thị Hà, thôi giữ chức vụ Quyền kế toán trưởng công ty kể từ ngày 20/05/2022.	100%
9	8B/2022/VLC/QĐ-CTHĐQT	16/05/2022	Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Hoàng Mạnh Cường giữ chức vụ Kế toán trưởng – Tổng Công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP kể từ ngày 20/05/2022.	100%
10	09/2022/VLC/QĐ-CTHĐQT	16/05/2022	Tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Trần Chí Sơn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc – Tổng công ty chăn nuôi Việt Nam – CTCP kể từ ngày 20/05/2022.	100%
11	10/2022/VLC/NQ-HĐQT	18/05/2022	Phê duyệt tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty.	100%

STT	SỐ NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH	NGÀY	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
12	11/2022/VLC/NQ-HĐQT	03/06/2022	Phê duyệt tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty trong đó có bổ sung nội dung về Nhà máy sữa Hưng Yên.	100%
13	12A/2022/VLC/NQ-HĐQT	21/07/2022	Miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty: Ông Nguyễn Huy Hoàng.	100%
14	12B/2022/VLC/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua mức thù lao của Thư ký công ty.	100%
15	13/2022/VLC/NQ-HĐQT	21/07/2022	Thông qua BCTC Q2/2022 của Công ty mẹ và hợp nhất.	100%
16	14/2022/VLC/NQ-HĐQT	05/09/2022	Thông qua việc điều chỉnh lương cho BDH.	100%
17	15A/2022/VLC/NQ-HĐQT	27/09/2022	Phê duyệt phát hành Thư báo lãnh tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – CN Trung Tâm về việc đảm bảo thực hiện dự án Nhà Máy Sữa Hưng Yên và được phép vay vốn ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm.	100%
18	15B/2022/VLC/NQ-HĐQT	27/09/2022	Thông qua thỏa thuận khung về đầu tư được ký kết giữa Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật, Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP, Tập đoàn Sojitz và Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam.	100%
19	15C/2022/VLC/NQ-HĐQT	27/09/2022	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ công ty.	100%
20	15D/2022/VLC/NQ-HĐQT	27/09/2022	Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.	100%
21	15E/2022/VLC/NQ-HĐQT	27/09/2022	Thông qua phương án chi tiết sử dụng vốn thu được.	100%
22	16A/2022/VLC/NQ-HĐQT	24/10/2022	từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.	100%
23	16C/2022/VLC/NQ-HĐQT	24/10/2022	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.	100%
24	17/2022/VLC/NQ-HĐQT	06/12/2022	Triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán.	100%
25	18/2022/VLC/NQ-HĐQT	09/12/2022	Thông qua phương án chi trả cổ tức bằng tiền 2021.	100%

2. BAN KIỂM SOÁT

2.1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát đều đáp ứng tư cách và có đủ năng lực thực thi nhiệm vụ của mình.

Thành viên Ban kiểm soát tại thời điểm ngày 31/12/2022 của Công ty như sau:



BÀ HÀ THỊ DIỆU THU

Trưởng BKS

Không phải là người lao động trong công ty



ÔNG TRỊNH CÔNG SƠN

Thành viên

Không phải là người lao động trong công ty



ÔNG TRƯƠNG ANH VŨ

Thành viên

Không phải là người lao động trong công ty

2.2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

BKS thực hiện chức năng giám sát công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc Điều hành và hoạt động SXKD của Công ty thông qua việc tham dự, đóng góp ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông và các phiên họp của HĐQT; giám sát việc thực hiện lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT và thông qua các báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của Công ty.

Các hoạt động chủ yếu của BKS bao gồm

- Kiến nghị đơn vị kiểm toán độc lập được chấp thuận để trình ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, bán niên, năm của Công ty.
- Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, BGD điều hành và tình hình SXKD của Công ty thông qua báo cáo tài chính và các báo cáo định kỳ của HĐQT, Ban GD điều hành.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ

Trong giai đoạn vừa qua, HĐQT, Ban Giám đốc đã hỗ trợ và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng của mình, BKS nhận được đầy đủ tài liệu liên quan tới các cuộc họp của HĐQT và các sự vụ quan trọng phát sinh liên quan đến Công ty. Các ý kiến của BKS gửi tới HĐQT và Tổng Giám đốc được phân phối đầy đủ và kịp thời.

HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

- BKS đã tham gia giám sát, hỗ trợ công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông 2022 và công tác đánh giá, xét chọn Đơn vị kiểm toán cho năm 2022 của Công ty.
- Tham gia tư vấn, giám sát tình hình triển khai các dự án của Công ty.



3. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Không có

4. HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN TRONG NĂM 2022

Công ty mẹ

01. Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
Chi trả cổ tức

ĐƠN VỊ: VND

70.312.500.000

Công ty con

02. Công ty Cổ phần Giống Bò Sữa Mộc Châu

Bán hàng hóa, dịch vụ

719.594.858

Cổ tức được chia

163.075.099.500

03. Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật

Góp vốn

351.900.000.000

Nhận tạm ứng về chuyển nhượng dự án

132.000.000.000

Công ty liên quan khác

04. Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội
Thu nhập từ lợi nhuận được chia

3.060.000.000

5. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2022, Công ty tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, đặc biệt là hoạt động ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên liên quan.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý được ủy thác của Công ty luôn nhận thức và tuân thủ trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và tránh xung đột về quyền lợi theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, cụ thể như sau:

01 Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

02 Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

03 Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty liên kết do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/Sở giao dịch Chứng khoán.

04 Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

05 Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

06 Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, các cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng những thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.



1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC VĂN BẢN THÀNH LẬP

Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất (lần thứ 9) là ngày 29 tháng 4 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Mai Kiều Liên	Chủ tịch
Ông Trịnh Quốc Dũng	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Bách	Thành viên (từ ngày 8/6/2022)
Ông Lê Thành Liêm	Thành viên (từ ngày 8/6/2022)
Ông Đỗ Hoàng Phúc	Thành viên (từ ngày 8/6/2022)
Ông Trần Chí Sơn	Thành viên (đến ngày 8/6/2022)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Trịnh Quốc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Chí Sơn	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20/5/2022)

BAN KIỂM SOÁT

Bà Hà Thị Diệu Thu	Trưởng Ban
Ông Trịnh Công Sơn	Thành viên
Ông Trương Anh Vũ	Thành viên (từ ngày 8/6/2022)
Ông Trịnh Công Tuyến	Thành viên (đến ngày 8/6/2022)

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ

519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam

CÔNG TY KIỂM TOÁN

Công ty TNHH KPMG Việt Nam



Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

(a) Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc

Trịnh Quốc Dũng

2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00143-23-2



Wang Toon Kim

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0557-2023-007-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Đàm Xuân Lâm

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2023-007-1

3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 01 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.561.563.542.578	3.242.054.093.750
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	743.764.825.266	178.211.241.150
Tiền	111		66.764.825.266	63.211.241.150
Các khoản tương đương tiền	112		677.000.000.000	115.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.111.000.000.000	2.563.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	2.111.000.000.000	2.563.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		455.008.042.146	297.186.015.511
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	193.163.559.407	180.696.768.480
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	158.994.999.350	20.003.942.832
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	106.809.558.389	100.445.379.199
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.960.075.000)	(3.960.075.000)
IV. Hàng tồn kho	140	10	209.953.828.786	195.701.208.298
Hàng tồn kho	141		211.775.717.415	197.696.569.397
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.821.888.629)	(1.995.361.099)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		41.836.846.380	7.955.628.791
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	6.136.087.381	3.318.887.273
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.496.939.808	1.499.036.923
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19(a)	20.203.819.191	3.137.704.595

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

ĐƠN VỊ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.336.812.997.246	1.411.671.970.390
I. Các khoản phải thu dài hạn khác	210		288.468.600	252.770.900
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	288.468.600	252.770.900
II. Tài sản cố định	220		841.030.727.251	847.920.298.860
Tài sản cố định hữu hình	221	11	363.647.004.349	334.977.742.219
Nguyên giá	222		1.234.160.309.361	1.301.225.125.437
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(870.513.305.012)	(966.247.383.218)
Tài sản cố định vô hình	227	12	477.383.722.902	512.942.556.641
Nguyên giá	228		694.102.346.576	693.527.182.576
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(216.718.623.674)	(180.584.625.935)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		107.127.735.141	115.860.790.719
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	13	11.391.545.403	12.961.105.522
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	95.736.189.738	102.899.685.197
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		194.042.601.462	204.877.354.703
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	186.491.781.862	192.826.634.107
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	29.845.631.927	29.845.631.927
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(c)	(22.294.812.327)	(17.794.911.331)
V. Tài sản dài hạn khác	260		194.323.464.792	242.760.755.208
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	9.953.977.573	12.271.850.625
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16(a)	-	27.045.559
Lợi thế thương mại	269	17	184.369.487.219	230.461.859.024
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.898.376.539.824	4.653.726.064.140

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 01 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		441.483.489.059	512.758.635.468
I. Nợ ngắn hạn	310		301.263.026.624	341.562.320.299
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	106.774.996.534	91.651.318.298
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.385.720.705	2.342.116.827
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(b)	1.307.871.475	18.119.590.731
Phải trả người lao động	314		22.525.106.419	20.958.441.880
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	63.962.270.314	53.341.049.428
Phải trả ngắn hạn khác	319	21(a)	27.900.424.333	12.023.589.066
Vay ngắn hạn	320	22	-	77.155.349.198
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.004.069.118	1.775.143.678
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	74.402.567.726	64.195.721.193
II. Nợ dài hạn	330		140.220.462.435	171.196.315.169
Phải trả dài hạn khác	337	21(b)	3.711.780.002	21.900.931.811
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16(a)	133.250.351.038	147.546.961.235
Dự phòng phải trả dài hạn	342		3.258.331.395	1.748.422.123

ĐƠN VỊ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2022	01/01/2022
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.456.893.050.765	4.140.967.428.672
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	4.456.893.050.765	4.140.967.428.672
Vốn cổ phần	411	25	1.723.461.730.000	2.500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.723.461.730.000	2.500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.032.465.751.378	255.927.481.378
Vốn khác của chủ sở hữu	414		37.813.265.256	37.813.265.256
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.809.947.101)	(64.809.947.101)
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	94.218.764.359	54.922.307.639
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế)	421		383.821.807.159	(215.244.301.829)
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	421a		(318.652.005.629)	(150.331.507.013)
- LNST/(lỗ) năm nay	421b		702.473.812.788	(64.912.794.816)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.249.921.679.714	1.572.358.623.329
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.898.376.539.824	4.653.726.064.140

Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính

Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 02 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ: VND

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2022	2021
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	3.141.724.414.769	2.930.763.934.122
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	1.429.539.473	2.130.278.272
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	03	28	3.140.294.875.296	2.928.633.655.850
Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp		29	2.176.695.145.121	2.092.261.463.194
Lợi nhuận gộp	20		963.599.730.175	836.372.192.656
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	158.159.542.030	140.647.134.079
Chi phí tài chính	22	31	5.507.398.072	6.825.408.212
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		636.335.055	162.698.449
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(3.274.852.245)	(9.639.826.864)
Chi phí bán hàng	25	32	697.864.020.304	595.202.829.842
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	127.432.496.522	112.283.910.447
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		287.680.505.062	253.067.351.370
Thu nhập khác	31	34	27.384.749.853	12.519.071.063
Chi phí khác	32	35	57.655.200.608	27.728.000.239

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

ĐƠN VỊ: VND

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2022	2021
Lỗ khác	40		(30.270.450.755)	(15.208.929.176)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		257.410.054.307	237.858.422.194
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	34.137.728.602	36.310.797.092
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	37	(14.269.564.638)	(12.249.617.803)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		237.541.890.343	213.797.242.905
Phân bổ cho:				
Cổ đông phổ thông của Công ty mẹ	61		115.961.288.861	83.065.961.075
Cổ đông không kiểm soát	62		121.580.601.482	130.731.281.830
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	461	253



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022 - PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP

Mẫu B 03 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

ĐƠN VỊ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	2022	2021
A LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế Điều chỉnh cho các khoản	01	257.410.054.307	237.858.422.194
Khấu hao	02	165.343.207.345	173.266.472.323
Các khoản dự phòng	03	6.065.263.238	7.918.965.154
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	765.052	203.555.909
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(123.304.683.731)	(113.509.637.842)
Chi phí lãi vay	06	636.335.055	162.698.449
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	306.150.941.266	305.900.476.187
Biến động các khoản phải thu	09	(26.018.527.910)	(29.774.014.895)
Biến động hàng tồn kho	10	(14.079.148.018)	9.988.020.169
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	13.732.504.666	(18.662.288.744)
Biến động chi phí trả trước	12	(499.327.056)	(6.164.531.630)
		279.286.442.948	261.287.661.087
Tiền lãi vay đã trả	14	(799.033.504)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(45.034.986.128)	(16.535.438.845)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.920.000	173.789.837
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.188.637.917)	(36.216.243.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	199.275.705.399	208.709.768.610

ĐƠN VỊ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	2022	2021
B LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(269.705.612.858)	(152.124.497.296)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	20.461.430.162	4.974.002.672
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn và ứng vốn đầu tư cho các hộ nông dân	23	(2.511.304.436.335)	(3.211.821.173.355)
Tiền thu từ rút tiền gửi có kỳ hạn và nhận lại ứng vốn đầu tư	24	2.924.000.000.000	1.960.511.460.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	1.336.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	157.110.698.968	85.100.266.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	320.562.079.937	(1.312.023.441.347)
C LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	338.100.000.000	379.243.674.137
Tiền thu từ đi vay	33	-	77.155.349.198
Tiền trả nợ gốc vay	34	(77.155.349.198)	-
Tiền trả cổ tức	36	(215.228.086.970)	(121.562.825.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	45.716.563.832	334.836.197.935
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	565.554.349.168	(768.477.474.802)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	178.211.241.150	946.688.810.971
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(765.052)	(95.019)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	743.764.825.266	178.211.241.150



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

A. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, được thành lập theo Quyết định số 862 NN-TCCB/QĐ ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn trên cơ sở sắp xếp lại các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tổng Công ty được chuyển đổi thành Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam – CTCP theo Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100104443 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 29 tháng 4 năm 2022.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con, và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

B. HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; và
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

C. CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

D. CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty có 2 công ty con và 5 công ty liên kết (1/1/2022: 2 công ty con và 5 công ty liên kết) như sau:

STT	TÊN CÔNG TY	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	ĐỊA CHỈ	31/12/2022		1/1/2022	
				TỶ LỆ % (QUYỀN BIỂU QUYẾT)	TỶ LỆ % (SỞ HỮU)	TỶ LỆ % (QUYỀN BIỂU QUYẾT)	TỶ LỆ % (SỞ HỮU)
CÔNG TY CON							
1	Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”) (*)	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	Tỉnh Sơn La	59,30%	59,30%	59,30%	51,00%
2	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Sản xuất, chăn nuôi, chế biến và kinh doanh các sản phẩm từ bò	Hà Nội	51,00%	51,00%	51,00%	37,98%
CÔNG TY LIÊN KẾT							
1	Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Sản xuất, cung ứng các sản phẩm premix phục vụ hoạt động chăn nuôi	Hà Nội	36,00%	36,00%	36,00%	26,82%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; dịch vụ hỗ trợ cho vận tải	Hải Phòng	30,00%	30,00%	30,00%	22,35%
3	Tổng Công ty Chè Việt Nam – CTCP (**)	Kinh doanh, sản xuất chè	Hà Nội	16,23%	16,23%	16,23%	16,23%
4	Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng (**)	Chế biến rượu các loại, nhân điều xuất khẩu và các loại nông thực phẩm	Tỉnh Lâm Đồng	38,30%	38,30%	38,30%	38,30%
5	Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung (**)	Sản xuất ống nhựa, và các sản phẩm từ plastic	Tỉnh Quảng Nam	40,06%	40,06%	40,06%	40,06%

(*) Sau sáp nhập, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu do GTN trực tiếp nắm giữ trước đây được Tổng Công ty kế thừa. Theo đó, giá trị và tỷ lệ sở hữu của khoản đầu tư vào MCM của Tổng Công ty được tăng lên sau sáp nhập.

(**) Các công ty liên kết do GTN trực tiếp sở hữu trước đây đã được chuyển sang cho Tổng Công ty sở hữu sau khi GTN được sáp nhập vào Tổng Công ty vào ngày 16 tháng 3 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty và các công ty con có 859 nhân viên (1/1/2022: 832 nhân viên).

Hoán đổi cổ phiếu và sáp nhập GTN vào Tổng Công ty

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2021/VLC/NQ-DHĐCĐ phê duyệt phương án sáp nhập và dự thảo Hợp đồng Sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods (“GTN”), công ty mẹ của Tổng Công ty, vào Tổng Công ty theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu GTN đang lưu hành, tỷ lệ hoán đổi là 1,6:1 (cổ đông sở hữu 1,6 cổ phiếu GTN vào ngày chốt quyền sẽ hoán đổi lấy 1 cổ phiếu Tổng Công ty).

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Tổng Công ty và GTN đã ký hợp đồng sáp nhập.



Ngày 27 tháng 1 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp giấy chứng nhận số 17/GCN-UBCK về việc đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi theo hợp đồng sáp nhập với GTN.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành công văn số 1720/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã hoán đổi cổ phiếu theo hợp đồng sáp nhập với GTN. Số lượng cổ phiếu GTN sau hoán đổi giảm đi 93.751.691 cổ phiếu và chỉ còn 156.248.309 cổ phiếu. Số cổ phiếu ban đầu của Tổng Công ty được mang sang sau khi sáp nhập. Sau đó, Tổng Công ty đồng thời thực hiện hủy niêm yết 47.003.136 cổ phiếu quỹ phát sinh từ việc hoán đổi cổ phiếu này. Theo đó, GTN đã chính thức được sáp nhập vào Tổng Công ty từ ngày 16 tháng 3 năm 2022 và Tổng Công ty thừa hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của GTN, bao gồm tỷ lệ lợi ích tại các công ty con và công ty liên kết.

Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tại Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP dưới 20%. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP thông qua việc Tổng Công ty có thành viên Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty này. Do đó, khoản đầu tư vào Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP được trình bày trên khoản mục Đầu tư vào công ty liên kết.

6.2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

A. Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

C. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

B. Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

D. Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được trình bày bằng VND, trừ khi được ghi chú khác.

6.3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

A. CƠ SỞ HỢP NHẤT

i. Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

ii. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

iii. Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

iv. Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

B. KẾ TOÁN GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI CỔ PHIẾU VÀ SÁP NHẬP VỚI GTN

Trước ngày sáp nhập GTN vào Tổng Công ty, cả GTN và Tổng Công ty đều là công ty con của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Vinamilk"). Sau khi sáp nhập, mọi rủi ro và quyền lợi của GTN được kế thừa bởi Tổng Công ty. Do đó, Tổng Công ty lựa chọn hạch toán giao dịch sáp nhập GTN vào Tổng Công ty như là một giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 – Hợp nhất kinh doanh, và trong sự lựa chọn chính sách liên quan đến giao dịch này, Tổng Công ty đã cân nhắc Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 – Trình bày báo cáo tài chính. Dựa trên các chuẩn mực này, Tổng Công ty đã áp dụng cơ sở kế toán Sáp nhập ("nguyên tắc mang sang toàn bộ"), theo đó:

- Đứng từ phương diện của Công ty mẹ Vinamilk, việc sáp nhập GTN vào Tổng Công ty chỉ là việc bố trí lại một công ty con trong phạm vi tập đoàn Vinamilk. Do vậy, giao dịch sáp nhập này không có ảnh hưởng gì tới báo cáo tài chính hợp nhất của GTN trước khi sáp nhập hay sau khi sáp nhập với Tổng Công ty;

- Tài sản và nợ phải trả của GTN được hợp nhất theo giá trị sổ sách tại ngày sáp nhập;

- Lợi thế thương mại, đánh giá lại giá trị tài sản và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trước đây khi lập báo cáo tài chính hợp nhất của GTN tiếp tục được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty sau ngày sáp nhập;

- Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày sáp nhập được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con của Tổng Công ty. Thay đổi về tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát do giao dịch hoán đổi cổ phiếu được kế toán như các giao dịch vốn chủ sở hữu.

C. CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

D. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

E. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

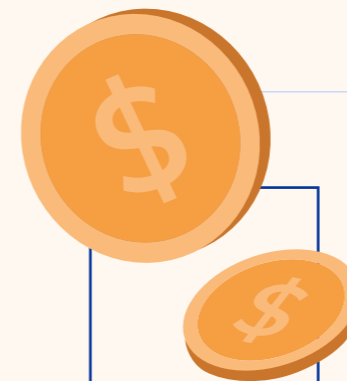
i. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty hoặc công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

ii. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



F. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

G. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

H. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

i. Nguyên giá

Gia súc

Gia súc được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của gia súc bao gồm tất cả các chi phí thực tế và các chi phí liên quan trực tiếp đã phát sinh để hình thành và nuôi lớn gia súc cho đến khi đưa gia súc đến trạng thái hoạt động cho mục đích sản xuất đã dự kiến (khi gia súc đạt đủ 16 tháng tuổi).

Tài sản cố định hữu hình khác

Tài sản cố định hữu hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình khác bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình khác đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình khác vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình khác.

ii. Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình.

Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 33 năm
Máy móc và thiết bị	3 – 33 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
Phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
Gia súc	4 – 8 năm
Tài sản khác	3 – 8 năm

I. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

i. Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu

Lợi thế quyền thuê đất, lợi thế thương hiệu và lợi thế vùng nguyên liệu là các tài sản cố định vô hình mà Tổng Công ty có được từ việc mua lại các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại thời điểm Tổng Công ty mua các công ty con.

Lợi thế quyền thuê đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian còn lại của các hợp đồng thuê đất. Lợi thế thương hiệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm. Lợi thế vùng nguyên liệu được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

ii. Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới và phần mềm quản lý mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính và phần mềm quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

J. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỎ DANG

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản cố định hữu hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

K. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

i. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

ii. Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 18 tháng đến 36 tháng.

L. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Lợi thể thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thể thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thể thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thể thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thể thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thể thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

M. QUỸ HỖ TRỢ CHĂN NUÔI

Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được thành lập với mục tiêu đảm bảo hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi từ hao hụt bò và bê. Đối tượng tham gia và đóng góp vào Quỹ này là các hộ chăn nuôi tham gia ký “Hợp đồng mua bán sữa bò tươi” với Công ty Cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu (“MCM”), một công ty con của Tổng Công ty. Việc tham gia Quỹ này được thực hiện trên cơ sở tự nguyện. Quỹ không được sử dụng để thực hiện bất kỳ một hoạt động kinh doanh nào của MCM mà chỉ phục vụ mục đích nêu trên. Quỹ không được trả lại cho các hộ khi bị thanh lý hợp đồng, kể cả trong trường hợp các hộ này chấm dứt tham gia vào quỹ, trừ trường hợp giải thể quỹ hoặc theo thỏa thuận giữa các bên.

Nguồn thu của Quỹ là các khoản phí hỗ trợ vật nuôi từ các hộ chăn nuôi đóng góp theo quy chế hoạt động của quỹ. Phí hỗ trợ vật nuôi được thu một năm một lần và được quy định cụ thể cho từng loại bò, bê theo con. Các khoản thu này được ghi nhận là một khoản tăng tiền đối ứng với khoản tăng Quỹ trong năm. Việc sử dụng Quỹ được thực hiện theo nguyên tắc chi trả trong khuôn khổ nguồn thu quỹ cho các mục đích nêu trên. Khi sử dụng Quỹ cho các mục đích nêu trên, phần sử dụng được ghi giảm số dư quỹ trong năm sử dụng. Trong quá trình hoạt động, khoản tiền mặt tạm thời chưa sử dụng có thể được gửi tiết kiệm tại các ngân hàng thương mại hoặc tổ chức tín dụng. Lãi phát sinh trên tài khoản tiết kiệm của Quỹ được ghi nhận tăng tương ứng vào tài khoản Quỹ trên cơ sở thực thu tiền.

MCM đóng vai trò là người quản lý Quỹ này, nhận tiền đóng góp của các hộ chăn nuôi và thực hiện chi hộ khi có các hoạt động hỗ trợ phát sinh. Do đó, MCM ghi nhận và theo dõi Quỹ này là một khoản phải trả khác.

N. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ PHẢI TRẢ KHÁC

CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ PHẢI TRẢ KHÁC ĐƯỢC THỂ HIỆN THEO GIÁ GỐC.

O. DỰ PHÒNG

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và các công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

P. VỐN CỔ PHẦN

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Q. THUẾ

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

R. DOANH THU VÀ THU NHẬP KHÁC

i. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

ii. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

iii. Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

iv. Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

S. THUÊ TÀI SẢN (THUÊ HOẠT ĐỘNG)

Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

T. CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

U. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

V. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh là chăn nuôi bò sữa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm liên quan đến bò sữa. Do đó, Tổng Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

W. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ của Tổng Công ty và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

X. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm trước.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

ĐƠN VỊ: VND

TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG	31/12/2022	01/01/2022
Tiền mặt	106.629.778	48.268.307
Tiền gửi ngân hàng	66.658.195.488	63.162.972.843
Trong đó:		
Số dư tài khoản tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (i)	3.342.720.190	1.382.287.342
Các khoản tương đương tiền (ii)	677.000.000.000	115.000.000.000
	743.764.825.266	178.211.241.150

(i) Số dư tài khoản tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi được theo dõi trên một tài khoản ngân hàng riêng. Tiền gửi Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi chỉ được sử dụng cho mục đích hỗ trợ các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi và không được sử dụng cho mục đích nào khác.

(ii) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 phản ánh các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,0% đến 6,2%/năm (1/1/2022: từ 3,2% đến 3,6%/năm).

6.5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

ĐƠN VỊ: VND

	31/12/2022		01/01/2022	
	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ HỢP LÝ	GIÁ GỐC	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.105.000.000.000	2.105.000.000.000	2.547.000.000.000	2.547.000.000.000
Tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi (ii)	6.000.000.000	6.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
	2.111.000.000.000	2.111.000.000.000	2.563.000.000.000	2.563.000.000.000

(i) Thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng với lãi suất từ 5,3% đến 11,5%/năm (1/1/2022: từ 4,7% đến 6,8%/năm).

(ii) Bao gồm khoản tiền gửi của Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi có kỳ hạn gốc là 12 tháng, được gửi tại các ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng với lãi suất 9,5%/năm (1/1/2022: 5,1%/năm). Tiền gửi từ Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi chỉ được sử dụng cho mục đích hỗ trợ các hộ chăn nuôi nhanh chóng khôi phục sản xuất khi gặp phải những rủi ro trong chăn nuôi và không được sử dụng cho mục đích nào khác.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

ĐƠN VỊ: VND

31/12/2022

CÔNG TY LIÊN KẾT	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	% SỞ HỮU	% BIỂU QUYẾT	GIÁ TRỊ GHI SỔ (THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU)	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	108.377.806.387	(*)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	44.379.043.503	(*)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	24.257.118.267	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	30,00%	30,00%	-	(*)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	36,00%	36,00%	9.477.813.705	(*)
					186.491.781.862	

ĐƠN VỊ: VND

01/01/2022

CÔNG TY LIÊN KẾT	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	% SỞ HỮU	% BIỂU QUYẾT	GIÁ TRỊ GHI SỔ (THEO PHƯƠNG PHÁP VỐN CHỦ SỞ HỮU)	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Lâm Đồng	Lâm Đồng	5.613.217	38,30%	38,30%	110.437.980.555	(*)
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	Hà Nội	7.400.000	16,23%	16,23%	45.519.755.488	(*)
Công ty Cổ phần Nhựa Miền Trung	Quảng Nam	6.750.000	40,06%	40,06%	24.797.178.966	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Súc sản Gia cầm Hải Phòng	Hải Phòng	491.658	22,35%	30,00%	-	(*)
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	Hà Nội	-	26,82%	36,00%	12.071.719.098	(*)
					192.826.634.107	

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch trên thị trường thấp cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

ĐƠN VỊ: VND

31/12/2022

CÔNG TY LIÊN KẾT	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	% SỞ HỮU	% BIỂU QUYẾT	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(17.609.383.826)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	Sơn La	7.730	0,13%	0,13%	83.719.600	-	(*)
					29.845.631.927	(22.294.812.327)	

ĐƠN VỊ: VND

01/01/2022

CÔNG TY LIÊN KẾT	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG	% SỞ HỮU	% BIỂU QUYẾT	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ TRỊ HỢP LÝ
Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Trung ương	Hà Nội	1.722.715	17,23%	17,23%	17.609.383.826	(13.109.482.830)	(*)
Công ty Cổ phần Sữa Đà Lạt	Lâm Đồng	746.810	5,64%	5,64%	7.467.100.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Chế biến Xuất nhập khẩu	Hà Nội	291.264	17,12%	17,12%	4.685.428.501	(4.685.428.501)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	Sơn La	7.730	0,13%	0,13%	83.719.600	-	(*)
					29.845.631.927	(17.794.911.331)	

(*) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc khối lượng giao dịch trên thị trường thấp cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. 6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

ĐƠN VỊ: VND

	31/12/2022	01/01/2022
CÁC BÊN LIÊN QUAN		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – công ty mẹ	54.133.995.274	61.837.024.412
BÊN KHÁC		
Công ty TNHH Vũ Xuân Bình	10.111.873.597	5.618.345.206
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Thuận Hưng	6.079.344.230	5.822.690.249
Các khách hàng khác	122.838.346.306	107.418.708.613
		193.163.559.407
		180.696.768.480

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 50 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6.7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

ĐƠN VỊ: VND

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty TNHH Maeda Việt Nam (*)	118.800.000.000	-
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	3.721.075.000
Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam	8.187.318.570	4.114.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Mộc Châu	2.272.236.069	4.748.166.885
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	26.014.369.711	7.420.700.947
		158.994.999.350
		20.003.942.832

(*) Đây là khoản tiền tạm ứng theo hợp đồng thiết kế và xây dựng Dự án đầu tư cải tạo trang trại, chuyển đổi vật nuôi từ lợn sang bò thịt, xây dựng cơ sở giết mổ, chế biến, bảo quản và phân phối ("Dự án") tại huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.9. NỢ XẤU VÀ NỢ XẤU KHÓ ĐÒI

ĐƠN VỊ: VND

	31/12/2022		01/01/2022		GIÁ TRỊ CÓ THỂ THU HỒI
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	
Nợ khó có khả năng thu hồi					
Công ty TNHH Liên doanh DMC - VTS	3.721.075.000	(3.721.075.000)	3.721.075.000	(3.721.075.000)	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Cát Linh	239.000.000	(239.000.000)	239.000.000	(239.000.000)	-
	3.960.075.000	(3.960.075.000)	3.960.075.000	(3.960.075.000)	-
Trong đó:					
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		(3.960.075.000)		(3.960.075.000)	

6.8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2022	01/01/2022
A CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC		
Bên liên quan		
Tổng Công ty Chè Việt Nam - CTCP	12.337.000	1.276.783.200
Bên khác		
Lãi tiền gửi	82.781.453.432	85.444.403.577
Đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi (*)	20.004.600.000	11.197.500.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	528.800.000	528.800.000
Phải thu về bán công ty liên kết	957.600.000	957.600.000
Phải thu về cổ phần hóa	79.100.000	79.100.000
Phải thu khác	2.445.667.957	961.192.422
	106.809.558.389	100.445.379.199

(*) Bao gồm các khoản đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi để mua bò, đầu tư chăn nuôi với kỳ hạn gốc 12 tháng, lãi suất 0,75%/tháng (1/1/2022: 0,75%/tháng).

B CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC		
Ký cược, ký quỹ	288.468.600	252.770.900

6.10. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị: VND

	31/12/2022		1/1/2022	
	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
Hàng mua đang đi đường	1.603.919.109	-	1.342.126.148	-
Nguyên vật liệu	159.533.378.953	(496.026.179)	144.392.340.684	(1.447.285.634)
Công cụ và dụng cụ	2.787.349.536	(384.818.698)	2.852.655.195	(548.075.465)
Chi phí sản xuất		(3.960.075.000)		(3.960.075.000)
kinh doanh dở dang	23.792.379.060	-	15.736.941.853	-
Thành phẩm	23.800.022.413	(941.043.752)	31.382.117.922	-
Hàng hóa	152.847.858	-	1.990.387.595	-
Hàng gửi đi bán	105.820.486	-	-	-
	211.775.717.415	(1.821.888.629)	197.696.569.397	(1.995.361.099)

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ	PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG	GIA SÚC	TÀI SẢN KHÁC	TỔNG CỘNG
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	359.521.961.291	767.598.545.033	79.649.394.362	10.266.186.179	77.605.115.648	6.583.922.924	1.301.225.125.437
Tăng trong năm	-	9.614.333.201	1.264.000.000	554.421.090	-	3.450.344.269	14.883.098.560
Chuyển từ chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-	16.458.297.585	-	16.458.297.585
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.484.438.165	123.078.623.483	313.046.738	-	-	-	125.876.108.386
Thanh lý, nhượng bán	(123.091.592.651)	(63.566.234.000)	(4.108.922.120)	-	(33.081.264.166)	(434.307.670)	(224.282.320.607)
SỐ DƯ CUỐI NĂM	238.914.806.805	836.725.267.717	77.117.518.980	10.820.607.269	60.982.149.067	9.599.959.523	1.234.160.309.361
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	259.308.607.791	603.347.446.621	67.249.933.301	1.482.033.413	28.453.212.422	6.406.149.670	966.247.383.218
Khấu hao trong năm	13.579.445.277	27.220.891.208	3.132.299.203	1.706.909.057	10.273.800.624	593.128.428	56.506.473.797
Khấu hao tài sản được đánh giá lại giá trị hợp lý	2.610.557.276	22.416.356.944	1.363.727.497	-	207.389.617	12.332.670	26.610.364.004
Thanh lý, nhượng bán	(101.017.813.937)	(56.021.318.389)	(4.084.559.025)	-	(17.292.916.986)	(434.307.670)	(178.850.916.007)
SỐ DƯ CUỐI NĂM	174.480.796.407	596.963.376.384	67.661.400.976	3.188.942.470	21.641.485.677	6.577.303.098	870.513.305.012
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	100.213.353.500	164.251.098.412	12.399.461.061	8.784.152.766	49.151.903.226	177.773.254	334.977.742.219
Số dư cuối năm	64.434.010.398	239.761.891.333	9.456.118.004	7.631.664.799	39.340.663.390	3.022.656.425	363.647.004.349

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các tài sản có nguyên giá 539.896 triệu VND (1/1/2022: 561.859 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	LỢI THẾ QUYỀN THUÊ ĐẤT	LỢI THẾ THƯƠNG HIỆU	LỢI THẾ VÙNG NGUYÊN LIỆU	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	4.429.000.000	693.527.182.576
Tăng trong năm	-	-	-	575.164.000	575.164.000
SỐ DƯ CUỐI NĂM	165.948.848.225	325.192.463.989	197.956.870.362	5.004.164.000	694.102.346.576
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	41.089.451.639	81.298.115.996	54.988.019.545	3.209.038.755	180.584.625.935
Khấu hao trong năm	-	-	-	1.016.963.246	1.016.963.246
Khấu hao tài sản đã đánh giá lại giá trị hợp lý	7.859.807.385	16.259.623.199	10.997.603.909	-	35.117.034.493
SỐ DƯ CUỐI NĂM	48.949.259.024	97.557.739.195	65.985.623.454	4.226.002.001	216.718.623.674
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	124.859.396.586	243.894.347.993	142.968.850.817	1.219.961.245	512.942.556.641
Số dư cuối năm	116.999.589.201	227.634.724.794	131.971.246.908	778.161.999	477.383.722.902

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có tài sản có nguyên giá 441 triệu VND (1/1/2022: 441 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

6.13. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỜ DANG DÀI HẠN

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn phản ánh giá trị ghi sổ của bò sữa dưới 16 tháng tuổi, và chi phí này sẽ được chuyển sang tài sản cố định hữu hình dưới danh mục gia súc khi bò đủ 16 tháng tuổi, là khi bò đã sẵn sàng cho việc sản xuất sữa.

6.14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị: VND

	2022	2021
Số dư đầu năm	102.899.685.197	4.608.000
Tăng trong năm	118.712.612.927	103.109.836.197
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(125.876.108.386)	(214.759.000)
SỐ DƯ CUỐI NĂM	95.736.189.738	102.899.685.197

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

Đơn vị: VND

	31/12/2022	01/01/2022
Dự án mở rộng Trung tâm giống	69.879.067.477	-
Dự án bò sữa Tam Đảo	10.271.530.741	-
Hệ thống thanh trùng đang lắp đặt	-	11.024.167.509
Máy rót sữa A3	-	85.215.282.711
Công trình khác	15.585.591.520	6.660.234.977
	95.736.189.738	102.899.685.197

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

6.15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

Đơn vị: VND

	31/12/2022	01/01/2022
Công cụ dụng cụ	1.498.243.117	1.021.107.974
Chi phí quảng cáo	275.000.000	1.511.451.333
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.362.844.264	786.327.966
	6.136.087.381	3.318.887.273

(b) Chi phí trả trước dài hạn

Đơn vị: VND

	CÔNG CỤ VÀ DỤNG CỤ	CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN KHÁC	TỔNG CỘNG
Số dư đầu năm	8.993.268.951	3.278.581.674	12.271.850.625
Tăng trong năm	3.586.590.702	1.391.617.883	4.978.208.585
Phân bổ trong năm	(5.256.121.213)	(2.039.960.424)	(7.296.081.637)
SỐ DƯ CUỐI NĂM	7.323.738.440	2.630.239.133	9.953.977.573



Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ**(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

Đơn vị: VND

	THUẾ SUẤT	31/12/2022	01/01/2022
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20%	-	27.045.559
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Phát sinh từ dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	20%	10.239.105.613	10.184.001.002
Phát sinh từ tài sản đánh giá lại	20%	123.011.245.425	137.362.960.233
TỔNG THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ		133.250.351.038	147.546.961.235

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Đơn vị: VND

	31/12/2022		1/1/2022	
	CHÊNH LỆCH TẠM THỜI	GIÁ TRỊ THUẾ	CHÊNH LỆCH TẠM THỜI	GIÁ TRỊ THUẾ
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	525.923.398	105.184.680
Lỗi tính thuế	38.955.456.048	7.791.091.210	49.330.804.692	9.866.160.938
	38.955.456.048	7.791.091.210	49.856.728.090	9.971.345.618

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào những năm sau:

Đơn vị: VND

NĂM HẾT HIỆU LỰC	TÌNH HÌNH QUYẾT TOÁN	SỐ LỖ ĐƯỢC KHẤU TRỪ
2024	Chưa quyết toán	18.501.385.244
2027	Chưa quyết toán	20.454.070.804
		38.955.456.048

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Tổng Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị: VND

LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	
Giá gốc	
Số dư đầu năm và cuối năm	460.923.718.049
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	230.461.859.025
Phân bổ trong năm	46.092.371.805
SỐ DƯ CUỐI NĂM	276.554.230.830
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu năm	230.461.859.024
Số dư cuối năm	184.369.487.219

6.18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	31/12/2022	01/01/2022
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	906.707.016	195.108.914
Các công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội	896.000.000	1.168.000.000
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam	4.430.269.691	2.443.799.520
Công ty TNHH MTV Bò sữa Thống Nhất Thanh Hóa	-	378.106.100
Các bên khác		
Các hộ chăn nuôi	35.400.403.674	45.019.949.992
Các bên khác	65.141.616.153	42.446.353.772
	106.774.996.534	91.651.318.298

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 20 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

6.19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Đơn vị: VND

	01/01/2022	SỐ PHẢI THU (TRONG NĂM)	SỐ ĐÃ ĐƯỢC BÙ TRỪ TRONG NĂM	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng	2.571.622	18.030.156.291	(2.298.882)	18.030.429.031
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.071.282.789	2.097.570.040	(2.071.282.789)	2.097.570.040
Thuế thu nhập cá nhân	964.985.506		(889.165.386)	75.820.120
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	98.864.678	1.772.129.575	(1.870.994.253)	-
	3.137.704.595	21.899.855.906	(4.833.741.310)	20.203.819.191

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: VND

	01/01/2022	SỐ PHẢI NỘP (TRONG NĂM)	SỐ ĐÃ ĐƯỢC NỘP/ BÙ TRỪ TRONG NĂM	31/12/2022
Thuế giá trị gia tăng (*)	5.622.592.754	93.758.437.569	(99.294.849.057)	86.181.266
Thuế xuất nhập khẩu	-	386.757.275	(386.757.275)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.288.323.656	34.137.728.602	(45.034.986.128)	391.066.130
Thuế thu nhập cá nhân	550.928.261	8.757.254.440	(9.131.857.808)	176.324.893
Thuế tài nguyên	-	151.110.000	(138.276.000)	12.834.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	656.746.060	14.132.197.768	(14.153.484.518)	635.459.310
Các loại thuế khác	1.000.000	705.164.431	(700.158.555)	6.005.876
	18.119.590.731	152.028.650.085	(168.840.369.341)	1.307.871.475

(*) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong năm thể hiện số liệu sau khi đã bù trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong năm.

Các nghĩa vụ thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	31/12/2022	01/01/2022
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại (i)	52.268.513.520	42.893.778.235
Phải trả tiền mua sữa từ các hộ chăn nuôi	3.066.245.380	3.279.285.200
Chi phí quảng cáo trên phương tiện truyền thông	19.272.649	2.474.542.509
Chi phí bảo dưỡng máy móc	2.696.950.590	1.974.788.164
Chi phí lãi vay	-	162.698.449
Các khoản trích trước khác	5.911.288.175	2.555.956.871
	63.962.270.314	53.341.049.428

(i) Chi phí thực hiện chương trình khuyến mại thể hiện chi phí phải trả cho các khách hàng theo các chương trình khuyến mại Tổng Công ty và các công ty con đang áp dụng.

6.21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị: VND

	31/12/2022	01/01/2022
(a) Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	2.205.563.434	3.164.490.304
Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi	18.342.719.689	-
Phải trả, thanh toán tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	657.737.373	2.225.592.998
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	165.670.830	61.054.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.528.733.007	6.572.451.764
	27.900.424.333	12.023.589.066
(b) Phải trả dài hạn khác		
Quỹ Hỗ trợ chăn nuôi	-	17.382.287.342
Quỹ khuyến học, các quỹ khác	2.624.600.000	1.383.866.469
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.087.180.002	3.134.778.000
	3.711.780.002	21.900.931.811

6.22. VAY NGẮN HẠN

Đơn vị: VND

	1/1/2022	Biến động trong năm		31/12/2022
	GIÁ TRỊ GHI SỐ VÀ SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ	TĂNG	GIẢM	GIÁ TRỊ GHI SỐ VÀ SỐ CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ
Vay ngắn hạn	77.155.349.198	-	(77.155.349.198)	-

6.23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

Đơn vị: VND

	2022	2021
Số dư đầu năm	64.195.721.193	58.201.239.136
Trích lập trong năm	44.383.564.450	42.036.935.689
Tăng khác	11.920.000	173.789.837
Sử dụng trong năm	(34.188.637.917)	(36.216.243.469)
SỐ DƯ CUỐI NĂM	74.402.567.726	64.195.721.193



TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị: VND

	VỐN CỔ PHẦN	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN	VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU	CỔ PHIẾU QUỸ	CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI TÀI SẢN	QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	(LỖ LỖY KẾ)/LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT	TỔNG CỘNG
SỐ DƯ TẠI NGÀY 1/1/2021	2.500.000.000.000	245.042.505.974	37.813.265.256	(14.364.328.733)	(64.865.439.018)	23.562.207.656	(138.004.874.570)	1.122.364.233.651	3.711.547.570.216
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	83.065.961.075	130.731.281.830	213.797.242.905
Bán cổ phiếu quỹ	-	10.884.975.404	-	14.364.328.733	-	-	-	-	25.249.304.137
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	353.994.370.000	353.994.370.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.091.594.857)	(1.401.447.188)	(5.493.042.045)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	8.183.189.716	(8.183.189.716)	-	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(121.583.962.900)	(121.583.962.900)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(19.725.466.991)	(16.818.426.653)	(36.543.893.644)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	23.176.236.512	(23.176.236.512)	-	-
Thay đổi do thoái vốn tại công ty liên kết	-	-	-	-	51.183.125	-	(51.183.125)	-	-
Thay đổi lợi ích trong công ty con hiện hữu mà không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(105.077.053.210)	105.077.053.210	-
Tăng giảm khác	-	-	-	-	4.308.792	673.755	(663.923)	(4.478.621)	(159.997)
SỐ DƯ TẠI NGÀY 1/1/2022	2.500.000.000.000	255.927.481.378	37.813.265.256	-	(64.809.947.101)	54.922.307.639	(215.244.301.829)	1.572.358.623.329	4.140.967.428.672
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	115.961.288.861	121.580.601.482	237.541.890.343
Giảm vốn chủ sở hữu do hoán đổi cổ phiếu khi sáp nhập	(937.516.910.000)	937.516.910.000	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn do sáp nhập	631.010.000.000	-	-	-	-	-	-	-	631.010.000.000
Hủy cổ phiếu sau sáp nhập	(470.031.360.000)	(160.978.640.000)	-	-	-	-	-	-	(631.010.000.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(103.407.703.800)	(111.925.000.000)	(215.332.703.800)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	39.296.456.720	(39.296.456.720)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	(29.567.811.662)	(14.815.752.788)	(44.383.564.450)
Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-	338.100.000.000	338.100.000.000
Giảm tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát do ảnh hưởng của việc sáp nhập	-	-	-	-	-	-	655.376.792.309	(655.376.792.309)	-
SỐ DƯ TẠI NGÀY 31/12/2022	1.723.461.730.000	1.032.465.751.378	37.813.265.256	-	(64.809.947.101)	94.218.764.359	383.821.807.159	1.249.921.679.714	4.456.893.050.765

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

6.25. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022		01/01/2022	
	SỐ CỔ PHIẾU	VND	SỐ CỔ PHIẾU	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.723.461.730	17.234.617.300.000	250.000.000	2.500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.723.461.730	17.234.617.300.000	250.000.000	2.500.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	1.723.461.730	17.234.617.300.000	250.000.000	2.500.000.000.000



Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG CÓ MỆNH GIÁ LÀ 10.000 VND



Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua nghị quyết số 02/2021/VLC/NQ-ĐHĐCĐ phê duyệt phương án sáp nhập và dự thảo Hợp đồng Sáp nhập Công ty Cổ phần GTNfoods ("GTN"), Công ty mẹ của Tổng Công ty vào Tổng Công ty theo phương án phát hành thêm cổ phiếu của Tổng Công ty cho các cổ đông của GTN để hoán đổi lấy toàn bộ cổ phiếu của GTN đang lưu hành, tỉ lệ hoán đổi 1,6:1.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã phát hành công văn số 1270/UBCK-QLCB về việc xác nhận kết quả phát hành theo Báo cáo kết quả phát hành số 21/2022/VLC/CV ngày 14 tháng 3 năm 2022 của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã hoán đổi cổ phiếu theo hợp đồng sáp nhập với GTN. Số lượng cổ phiếu GTN sau hoán đổi giảm đi 93.751.691 cổ phiếu và chỉ còn 156.248.309 cổ phiếu. Số cổ phiếu ban đầu của Tổng Công ty được mang sang sau khi sáp nhập. Sau đó, Tổng Công ty đồng thời thực hiện hủy niêm yết 47.003.136 cổ phiếu quỹ phát sinh từ việc hoán đổi cổ phiếu này:

	2022		2021	
	SỐ CỔ PHIẾU	VND	SỐ CỔ PHIẾU	VND
Số dư đầu năm	250.000.000	2.500.000.000.000	250.000.000	2.500.000.000.000
Giảm vốn do hoán đổi cổ phiếu	(93.751.691)	(937.516.910.000)	-	-
Tăng vốn do sáp nhập	63.101.000	631.010.000.000	-	-
Hủy cổ phiếu sau sáp nhập	(47.003.136)	(470.031.360.000)	-	-
SỐ DƯ CUỐI NĂM	172.346.173	1.723.461.730.000	250.000.000	2.500.000.000.000

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

6.26. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

6.27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

	31/12/2022	01/01/2022
Trong vòng một năm	14.471.710.459	12.783.676.294
Từ hai đến năm năm	50.882.218.670	46.804.791.201
Trên năm năm	399.284.031.559	351.476.831.949
	464.637.960.688	411.065.299.444

6.28. DOANH THU BÁN HÀNG

Đơn vị: VND

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.
Doanh thu thuần bao gồm:

	2022	2021
Tổng doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	3.064.588.887.651	2.879.574.096.878
Doanh thu bán hàng hóa	72.198.264.663	42.038.284.991
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.912.096.710	8.044.889.520
Doanh thu khác	2.025.165.745	1.106.662.733
	3.141.724.414.769	2.930.763.934.122
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(434.519.190)	(493.094.566)
Chiết khấu thương mại	(995.020.283)	(1.637.183.706)
	(1.429.539.473)	(2.130.278.272)
Doanh thu thuần	3.140.294.875.296	2.928.633.655.850

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Đơn vị: VND

	2022	2021
Tổng giá vốn hàng bán của:		
Thành phẩm đã bán	2.100.667.127.972	2.041.200.738.618
Hàng hóa đã bán	65.312.888.651	37.280.555.341
Dịch vụ đã cung cấp	1.476.060.046	8.820.490.808
Giá vốn khác	8.247.327.713	3.468.432.692
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	991.740.739	1.491.245.735
	2.176.695.145.121	2.092.261.463.194



TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	2022	2021
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	151.383.727.323	133.396.380.183
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	6.171.401.557	6.395.953.980
Lãi chuyển nhượng phần vốn góp	-	291.222.672
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.021.500	5.328.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	600.391.650	558.249.244
	158.159.542.030	140.647.134.079

6.31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị: VND

	2022	2021
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	4.499.900.996	6.325.491.549
Chi phí lãi vay	636.335.055	162.698.449
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	370.396.969	337.218.214
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	765.052	-
	5.507.398.072	6.825.408.212

6.31. CHI PHÍ BÁN HÀNG

Đơn vị: VND

	2022	2021
Chi phí nhân công	45.208.900.360	31.586.369.657
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	40.587.248	225.137.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	441.339.392	937.454.396
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo, khuyến mại	601.650.796.530	526.629.578.376
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.835.979.023	29.874.833.987
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	4.126.585.290	2.866.124.985
Chi phí khác bằng tiền	6.559.832.461	3.083.330.788
	697.864.020.304	595.202.829.842

6.33. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	2022	2021
Chi phí nhân công	30.318.744.680	23.803.499.781
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	1.280.889.818	1.621.202.249
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.459.289.335	11.318.743.042
Phân bổ lợi thế thương mại	46.092.371.805	46.092.371.805
Thuế, phí, và lệ phí	6.603.440.134	4.511.854.164
Trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc	1.881.126.388	1.724.739.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.513.427.668	16.980.714.508
Chi phí khác	11.283.206.694	6.230.785.755
	127.432.496.522	112.283.910.447

6.34. THU NHẬP KHÁC

Đơn vị: VND

	2022	2021
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	20.623.191.753	4.974.002.672
Tiền phạt, bồi thường thu được	150.215.180	51.584.857
Thu nhập từ nhận hỗ trợ	-	2.700.000.000
Các khoản khác	6.611.342.920	4.793.483.534
	27.384.749.853	12.519.071.063

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.35. CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị: VND

	2022	2021
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	45.431.404.600	15.517.468.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.835.413.977	3.487.214.251
Chi phí vắc xin tiêm phòng bò cho các hộ dân	2.758.772.654	-
Các khoản khác	6.629.609.378	8.723.317.167
	57.655.200.608	27.728.000.239

6.36. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị: VND

	2022	2021
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.935.037.666.952	1.827.558.716.484
Chi phí hỗ trợ, quảng cáo	603.394.874.252	526.629.578.376
Chi phí nhân công	154.017.394.994	131.469.645.989
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.451.756.982	127.174.100.518
Phân bổ lợi thế thương mại	46.092.371.805	46.092.371.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.708.079.349	88.148.524.597
Chi phí khác bằng tiền	43.242.776.419	20.483.916.961

6.37. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Đơn vị: VND

	2022	2021
(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất		
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	34.108.796.679	36.310.797.092
Điều chỉnh theo biên bản quyết toán thuế năm 2021	28.931.923	-
	34.137.728.602	36.310.797.092
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(14.269.564.638)	(12.249.617.803)
	19.868.163.964	24.061.179.289
(b) Đối chiếu thuế suất thực tế		
LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		
	257.410.054.307	237.858.422.194
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	51.482.010.861	47.571.684.439
Thu nhập được miễn thuế	(42.768.061.000)	(37.451.653.671)
Thu nhập không chịu thuế	(804.300)	(1.065.600)
Chi phí không được khấu trừ	11.157.641.421	15.272.117.075
Ưu đãi thuế	-	(713.416.789)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	6.756.569.117	262.297.242
Lỗi tính thuế đã được sử dụng bởi GTN	(884.537.410)	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	(5.903.586.648)	(878.783.407)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	28.931.923	-
	19.868.163.964	24.061.179.289
(c) Thuế suất áp dụng		

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư và luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, công ty con của Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Trong đó thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản được ưu đãi thuế quy định tại Nghị định này phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

- Tỷ lệ giá trị nguyên vật liệu là nông sản, thủy sản trên chi phí sản xuất hàng hóa, sản phẩm từ 30% trở lên; và
- Sản phẩm, hàng hóa từ chế biến nông sản, thủy sản không thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, trừ trường hợp do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề xuất của Bộ Tài chính.

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6.38. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

Đơn vị: VND

	2022	2021
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	115.961.288.861	83.065.961.075
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(29.567.811.662)	(19.725.466.991)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	86.393.477.199	63.340.494.084
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	187.445.528	249.925.001
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	461	253

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên phần lợi nhuận hợp nhất được phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tổng Công ty trong năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Đơn vị: VND

	2022	2021
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	250.000.000	249.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu quỹ bán ra trong năm	-	925.001
Ảnh hưởng của giao dịch hoán đổi cổ phiếu	(75.522.196)	-
Tăng cổ phiếu do sáp nhập	50.831.361	-
Hủy cổ phiếu sau sáp nhập	(37.863.637)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	187.445.528	249.925.001

6.39. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các ông ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

Đơn vị: VND

	2022	2021
Công ty mẹ		
Công ty cổ phần sữa Việt Nam		
Bán hàng hóa	406.392.926.648	472.799.393.417
Mua nguyên vật liệu	10.769.713.985	12.487.655.953
Chi trả cổ tức	94.656.975.000	24.344.475.000
Hàng hóa được cho, tặng	-	2.493.344
Thuê tài sản cố định	230.000.000	-
Công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Phát triển Chăn nuôi Peter Hand Hà Nội		
Mua nguyên vật liệu	15.700.925.000	12.736.455.000
Thu nhập từ lợi nhuận được chia	3.060.000.000	-
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam		
Mua hàng hóa	73.708.645.354	7.144.658.250
Bán hàng hóa	1.285.916.313	-
Chuyển giao chương trình thí điểm	1.114.292.158	-
Công ty TNHH MTV Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa		
Mua hàng hóa	1.116.612.750	378.106.100
Bán hàng hóa	-	1.149.888.000
Công ty Cổ phần Đường Việt Nam		
Mua hàng hóa	839.927.139	-

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

Mẫu B 09 – DN/HN | Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thù lao và lương của người quản lý chủ chốt

Đơn vị: Triệu VND

	2022	2021
Thành viên Hội đồng quản trị		
Tổng thù lao	364	240
Bà Mai Kiều Liên - Chủ tịch	60	96
Ông Trịnh Quốc Dũng - Thành viên	96	72
Ông Trần Chí Sơn - Thành viên (đến ngày 8/6/2022)	40	72
Ông Lê Thành Liêm (từ ngày 8/6/2022)	56	-
Ông Nguyễn Hồng Bách (từ ngày 8/6/2022)	56	-
Ông Đỗ Hoàng Phúc (từ ngày 8/6/2022)	56	-
Ban Giám đốc		
Tổng thù lao		
Nguyễn Đăng Khoa	276	182
Trần Chí Sơn (từ ngày 20/5/2022)	194	-
Trịnh Quốc Dũng	527	307
Ban Kiểm soát		
Công ty TNHH MTV Bò sữa Việt Nam		
Tổng thù lao	228	168
Bà Hà Thị Diệu Thu - Trưởng Ban kiểm soát	96	72
Ông Trịnh Công Sơn - Thành viên	78	48
Ông Trịnh Công Tuyển - Thành viên(đến ngày 8/6/2022)	6	48
Ông Trương Anh Vũ (từ ngày 8/6/2022)	48	-

6.40. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Đơn vị: VND

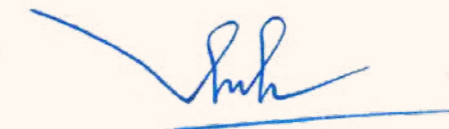
	2022	2021
Cấn trừ công nợ giữa đầu tư ứng vốn cho các hộ chăn nuôi và phải trả tiền mua sữa trong năm	44.773.900.000	26.028.033.355
Xóa sổ khoản phải thu về cho vay và dự phòng phải thu tương ứng	-	150.000.000

6.41. THÔNG TIN SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh 3(b), cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty cho rằng cơ cấu của Tập đoàn không thay đổi ngoại trừ thay đổi về tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát do tại ngày sáp nhập, Tổng Công ty và GTN đều hoạt động dưới sự kiểm soát chung của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Vì vậy, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của GTN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.



Hoàng Mạnh Cường
Kế toán trưởng



Lê Huy Bích
Giám đốc Tài chính



Trịnh Quốc Dũng
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2023



Tổng công ty Chăn nuôi Việt Nam tự hào đã làm chủ được những công nghệ chăn nuôi, chế biến sản phẩm tiên tiến, với nguồn lực ngày càng vững mạnh, góp phần nhất định vào sự phát triển kinh tế - xã hội và nền chăn nuôi nước nhà.

